

**CÔNG TY CỔ PHẦN
THỦY ĐIỆN - ĐIỆN LỰC 3**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 53 - CV/PC3HP.Co-NV

Đăk Nông, ngày 17 tháng 04 năm 2018

V/v: Công bố thông tin định kỳ”

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch CK TP Hồ Chí Minh

Công ty: Công ty Cổ phần Thủy điện - Điện lực 3

Trụ sở chính: Xã Ea Pô, huyện Cư Jút, tỉnh Đăk Nông

Điện thoại: 0261 3684 888

Fax: 0261 3684 666

Người thực hiện công bố thông tin: Ông Nguyễn Sơn

Địa chỉ: Xã Ea Pô, huyện Cư Jút, tỉnh Đăk Nông

Điện thoại di động: 0935 334 555; Điện thoại cố định: 0261 3684 888

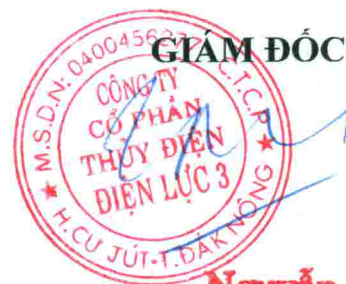
Fax: 0261 3684 666

Loại thông tin công bố: 24h, 72h, Yêu cầu, Bất thường, Định kỳ

Nội dung thông tin công bố:

- Báo cáo thường niên năm 2017

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.



Nguyễn Sơn

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN – ĐIỆN LỰC 3

Địa chỉ Thôn Nhà Đền, Xã Ea Pô, huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông

Điện thoại 0261 3684 888

Fax 0261 3684 666

Email thuydiendl3@gmail.com

Website www.pc3hp.com.vn



PC3 HP.Co

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN – ĐIỆN LỰC 3



BÁO CÁO
THƯỜNG NIÊN **2017**

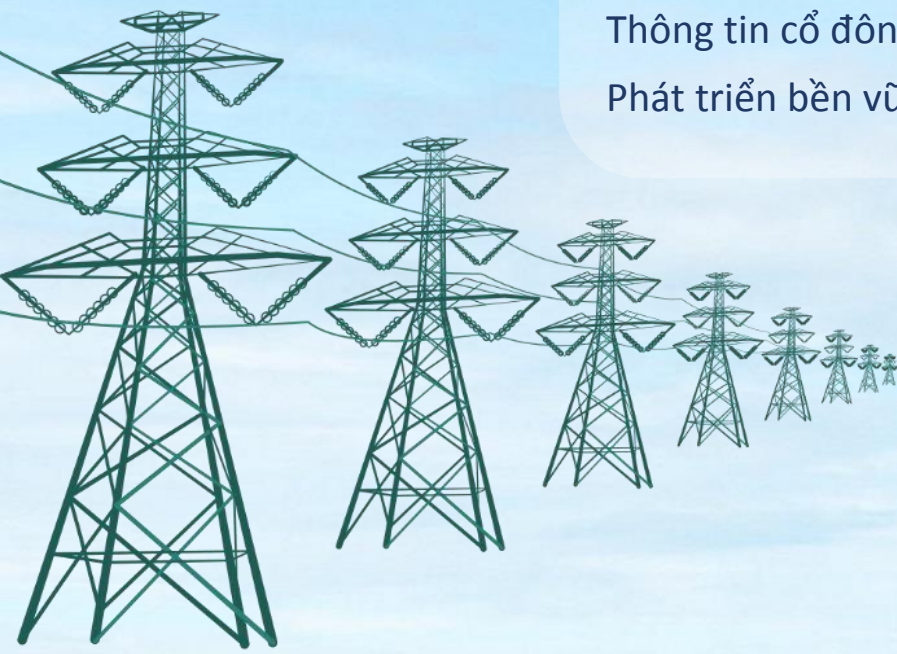
NỘI DUNG BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

I. THÔNG TIN CHUNG

Thông tin khái quát
Quá trình hình thành và phát triển
Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
Sơ đồ tổ chức
Định hướng phát triển
Các rủi ro

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

Tình hình sản xuất kinh doanh
Tổ chức nhân sự
Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án
Tình hình tài chính
Thông tin cổ đông
Phát triển bền vững



III. BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh
Tình hình tài chính
Các cải tiến trong năm
Kế hoạch phát triển

IV. BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Đánh giá các mặt hoạt động của Công ty
Đánh giá hoạt động của Ban Giám Đốc
Kế hoạch và định hướng của Hội đồng quản trị

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

Hội đồng quản trị
Ban kiểm soát
Giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT,
BĐH và BKS

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ý kiến của cơ quan kiểm toán
Báo cáo tài chính và thuyết minh báo cáo tài chính

TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN - ĐIỆN
NHÀ MÁY THỦY ĐIỆN ĐÂY H'LINH



ĐẮK NÔNG - ĐT: 0500.249.8

THÔNG TIN CHUNG

I

Thông tin khái quát
Quá trình hình thành và phát triển
Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
Sơ đồ tổ chức
Định hướng phát triển
Các rủi ro



THÔNG TIN KHÁI QUÁT



Tên Công ty	Công ty Cổ phần Thủy điện – Điện lực 3
Tên giao dịch	Công ty Cổ phần Thủy điện – Điện lực 3
Tên viết tắt	PC3, HP.Co
Tên Tiếng Anh	Hydro Power Joint Stock Company - Power No 3
Mã cổ phiếu	DRL
Vốn điều lệ	95.000.000.000 đồng
Trụ sở chính	Thôn Nhà Đền , Xã Ea Pô, Huyện Cư Jút, Tỉnh Đắk Nông, Việt Nam
Điện thoại	0261 3684 888
Fax	0261 3684 666
Email	thuydiendl3@gmail.com
Website	www.pc3hp.com.vn
Giấy CNĐKDN	số 0400456277 thay đổi lần thứ 04 vào ngày 17/12/2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đắk Nông cấp.

About Us



QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

20/11/2003

CTCP Thủy điện - Điện lực 3 được thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3203000163 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp lần đầu ngày 20/11/2003 với số vốn điều lệ đăng ký ban đầu là 95 tỷ đồng.

16/12/2003

Hội đồng quản trị Tổng Công ty Điện lực Việt Nam (Nay là Tập đoàn Điện lực Việt Nam) có Quyết định số 418/QĐ-EVN-HĐQT, về việc chuyển giao công trình thủy điện Đrây H'Linh 2 sang cho Công ty Cổ phần Thủy điện - Điện lực 3.

11/2006

Tổ máy số 1 nhà máy Thủy điện Đrây H'Linh 2 chính thức vận hành phát điện thương mại hòa vào lưới điện quốc gia 01/2007 Nhà máy Thủy điện Đrây H'linh 2 chính thức vận hành phát điện thương mại với 2 tổ máy có tổng công suất là 16 MW.

03/02/2004

Công ty Cổ phần Thủy điện - Điện lực 3 làm chủ đầu tư công trình Nhà máy Thủy điện Đrây H'Linh 2 theo văn bản số 411/CV-NLĐK của Bộ Công nghiệp.



Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0400456277 thay đổi lần thứ 04 vào ngày 17/12/2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đắk Nông cấp.

17/12/2014

Bầu Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2013-2018.

17/04/2013

Cổ phiếu của công ty chính thức được giao dịch trên sàn giao dịch chứng khoán TP Hồ Chí Minh với mã cổ phiếu là DRL.

11/04/2012

Hoàn thành việc di chuyển và đăng ký trụ sở chính của Công ty đến địa điểm mới tại xã Ea Pô, huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông, và được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đắk Nông cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần 3 số 6303000078, với số vốn điều lệ vẫn là 95 tỷ đồng.

07/07/2008





NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH



Ngành nghề

Hiện nay Công ty cổ phần Thủy điện – Điện lực 3 đang hoạt động trong các lĩnh vực chính như sau:

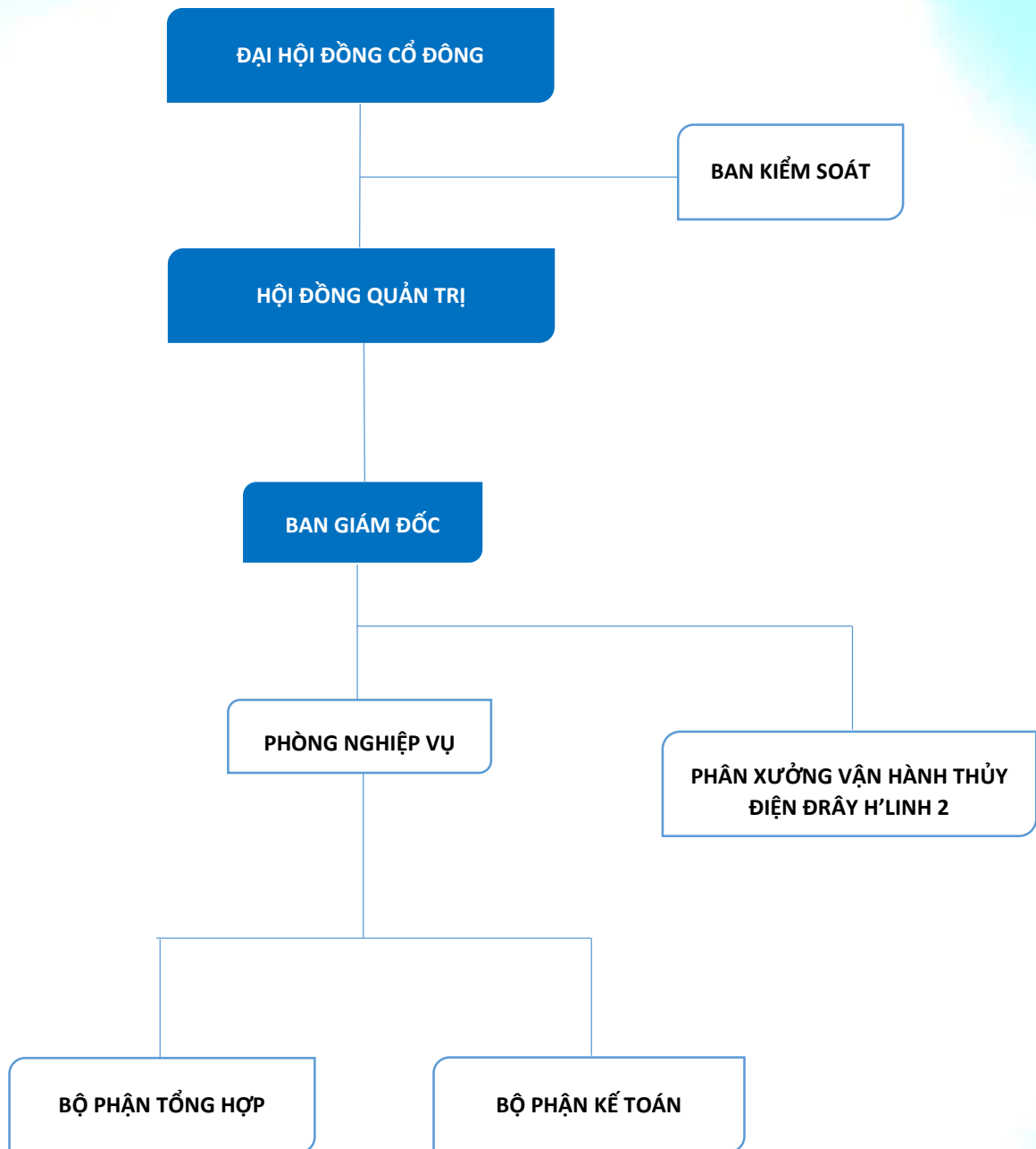
- Sản xuất và kinh doanh điện năng;
- Xây dựng các công trình đường dây, trạm biến thế điện;
- Đầu tư xây dựng các dự án điện;
- Xây dựng các công trình thủy lợi, công trình dân dụng, công nghiệp;
- Đầu tư xây dựng các dự án thủy điện;
- Tư vấn các công trình điện.

Địa bàn kinh doanh

Khu vực tỉnh Đắk Nông và tỉnh Đắk Lắk.



SƠ ĐỒ TỔ CHỨC



Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty được tổ chức theo mô hình công ty cổ phần. Công ty được tổ chức gọn nhẹ để giảm thiểu và triệt tiêu những lãng phí không cần thiết hướng đến hiệu quả cao nhất cho cổ đông.

Công ty con, công ty liên kết: Không có



ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

Nhiệm vụ sản xuất kinh doanh chính của Công ty hiện nay là tập trung vào công tác vận hành kinh doanh nhà máy thủy điện Đrây H'Linh 2 một cách an toàn và hiệu quả, phấn đấu hoàn thành vượt mức kế hoạch sản lượng điện thương phẩm theo kế hoạch hàng năm đề ra.



Chiến lược phát triển trung và dài hạn

Hiện tại, công ty chưa triển khai đầu tư cho nghiên cứu và phát triển sản phẩm, dịch vụ mới ngoài sản xuất kinh doanh điện năng. Tuy nhiên trong tương lai gần, để khai thác tốt các tiềm năng vật chất, tài chính và nhân sự của Công ty, HĐQT đã giao cho Giám đốc tìm kiếm cơ hội đầu tư kinh doanh có hiệu quả theo các ngành nghề kinh doanh đã đăng ký, nhưng trước mắt và chủ yếu là tập trung phát triển ngành nghề cốt lõi: Đầu tư và xây dựng, sản xuất kinh doanh điện năng thủy điện, cụ thể là tìm kiếm các dự án thủy điện hiệu quả trên địa bàn các tỉnh Tây Nguyên để đầu tư nhằm mục đích mở rộng phát triển Công ty. Đặc biệt nghiên cứu để triển khai các dự án năng lượng ặt trời trong thời gian đến



Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty

Thời gian qua Công ty đã thực hiện tốt công tác bảo vệ môi trường thể hiện qua đề án bảo vệ môi trường chi tiết đã được Bộ Tài Nguyên và Môi trường phê duyệt tại Quyết định số 175/QĐ- BTNMT ngày 07/03/2013. Công ty luôn thực hiện nghiêm túc chương trình giám sát và quản lý môi trường; thu gom, vận chuyển và xử lý toàn bộ chất thải nguy hại; xây dựng kế hoạch ứng phó sự cố và chuẩn bị các điều kiện cần thiết để kịp thời triển khai nhằm giảm thiểu thiệt hại đến đời sống cộng đồng và môi trường tự nhiên.

CÁC RỦI RO

Rủi ro kinh tế

Theo Tổng cục Thống kê, tốc độ tăng tổng sản phẩm trong nước GDP đạt 6,81% trong năm 2017, vượt chỉ tiêu kế hoạch đề ra. Tốc độ tăng chỉ số giá tiêu dùng CPI 3,53%, chỉ số lạm phát ổn định. Đó là những tín hiệu đáng mừng và mang lại hi vọng cho các doanh nghiệp về một nền kinh tế tươi sáng. Cũng như các ngành nghề khác, ngành điện chịu sự ảnh hưởng từ sự điều chỉnh của nền kinh tế vì điện là đầu vào của hầu hết các ngành nghề. Sự phát triển hay suy thoái của nền kinh tế ảnh hưởng trực tiếp đến nhu cầu sử dụng điện năng. Kết hợp những chuyển biến tốt từ nền kinh tế của Việt Nam như hiện tại và những dự báo về một giai đoạn tiếp tục phát triển trong tương lai, có thể thấy nhu cầu về nguồn điện đã, đang và sẽ vượt xa mức cung ứng, mang lại những tiềm năng phát triển mạnh mẽ cho các doanh nghiệp sản xuất điện. Hơn nữa, điện là sản phẩm thiết yếu nên luôn nhận được sự quan tâm sâu sát của Nhà nước, vì vậy so với các ngành nghề khác, sức ảnh hưởng từ những rủi ro của nền kinh tế lên các doanh nghiệp sản xuất điện được giảm thiểu.



Rủi ro đặc thù ngành

Hoạt động trong ngành thủy điện, công ty phải chú trọng đầu tư vào nhà máy và các công trình sản xuất điện với đặc điểm là các công trình lớn chiếm rất nhiều diện tích. Thêm vào đó là sự đòi hỏi về một số vốn đầu tư không nhỏ nên doanh nghiệp sẽ gặp rủi ro nếu việc tiến độ thi công chậm chạp, thời gian đi vào hoạt động kéo dài sẽ gây khó khăn cho công ty trong việc thu hồi vốn đầu tư. Do đó, công ty cần có những giải pháp dự báo tương đối chính xác về tiến độ xây dựng các công trình đồng thời kiểm tra, đôn đốc thi công để hoàn thành đúng hạn với kế hoạch đã được đề ra. Một rủi ro nữa đối với việc kinh doanh của công ty trong ngành này đó là vấn đề kỹ thuật. Các nhà máy điện đòi hỏi sự an toàn rất cao do đó kỹ thuật xây dựng rất quan trọng, việc xây dựng không đúng kỹ thuật cũng như việc vận hành sẽ gây ra hậu quả cực kỳ nghiêm trọng khi xảy ra sự cố, dẫn đến những thiệt hại đáng kể về tài sản và con người đồng thời doanh thu và lợi nhuận của công ty. Vì vậy, Công ty cần phải cập nhật, tra dồi và bồi dưỡng cho lao động những tiến bộ mới nhất trong xây dựng cũng như quản lý, vận hành các công trình, nhà máy và các thiết bị khác.

Rủi ro thời tiết

Việt Nam có lượng mưa hàng năm lớn do vị trí địa lý nằm ở khu vực nhiệt đới ẩm gió mùa. Đó là yếu tố thuận lợi để phát triển thủy điện, tuy nhiên không thể không đề cập đến những khó khăn trong việc dự báo thời tiết do những bất ổn không theo quy luật của tình hình mưa bão và hạn hán như hiện nay dẫn đến một rủi ro trong ngành này đó là việc đánh giá sai nguồn nước của các hồ thủy điện. Khi mùa khô kéo dài, các hồ trong tình trạng mực nước xuống thấp thậm chí cạn kiệt, nhưng lúc xảy ra mưa lũ mực nước lại dâng cao nhanh chóng vượt quá sức chịu đựng của các đập thủy điện dẫn đến việc phải tiến hành xả lũ, việc này lại ảnh hưởng đến đời sống sinh hoạt của người dân, gây ra các thiệt hại kinh tế nghiêm trọng. Nếu xảy ra kiện tụng, có thể các công ty thủy điện sẽ phải tiến hành đền bù cho người dân, số tiền đền bù sẽ rất lớn, ảnh hưởng nhiều đến hoạt động của các công ty. Đối với các doanh nghiệp trong ngành sản xuất điện, đặc biệt là thủy điện thì điều kiện thời tiết luôn là rủi ro phải đối mặt hàng đầu.

Do tính chất của nhà máy thủy điện phụ thuộc vào lượng nước tích trữ trong hồ chứa nên sự bất ổn về thời tiết như sự tăng giảm lượng mưa, hạn hán kéo dài cũng ảnh hưởng rất lớn đến sản lượng điện năng và chi phí sửa chữa các công trình của công ty. Trước hiện tượng El Nino diễn biến phức tạp, phá vỡ mọi quy luật tự nhiên, công ty gặp phải những khó khăn không nhỏ trong việc thực hiện các mục tiêu về sản lượng và lợi nhuận trong năm 2017. Để đối mặt với những biến đổi liên tục của tình hình thời tiết, công ty luôn cố gắng theo sát những dự báo khí hậu và thủy văn để có những phương án dự phòng vận hành lòng hồ, điều độ máy móc, nhân lực để vận hành nhà máy đạt công suất cao nhất có thể và đảm bảo mức tiêu hao nước trên 1kWh là thấp nhất. Ngoài ra, Công ty cũng chuẩn bị những phương án phòng chống bão lụt, giảm nhẹ thiệt hại do thiên tai gây ra đối với các công trình đê đập, đường dây truyền tải điện của nhà máy và thực thi các biện pháp bảo vệ môi trường sinh thái

Rủi ro về biến động giá bán điện

Với đặc thù của ngành sản xuất điện năng, việc đơn phương chủ động đặt ra giá bán điện của công ty bị hạn chế bởi mức giá bán điện sẽ do cơ quan Nhà nước quản lý và phê duyệt. Dưới sự quản lý gắt gao của Nhà nước nhưng bù lại với những hợp đồng dài hạn, đầu ra của sản phẩm và doanh thu của công ty được ổn định. Bên cạnh đó, Công ty vẫn có khả năng đàm phán điều chỉnh giá bán điện trong trường hợp các khoản chi phí đầu vào của Công ty tăng lên ảnh hưởng đến giá thành sản phẩm và lợi nhuận của công ty. Từ khi áp dụng biểu giá chi phí tránh được do Cục Điều tiết ban hành đến nay thì giá bán điện trung bình hàng năm của Công ty được điều chỉnh tăng từ 5 - 15%. Thêm vào đó, từ ngày 1/12/2017, Bộ Công Thương và Thủ tướng Nguyễn Xuân Phúc đã đồng ý về việc điều chỉnh với giá bán lẻ điện mới là 1.720,65 đồng/kWh (chưa bao gồm thuế VAT). Mức giá này tăng 6,08% so với mức bình quân hiện hành (1.622,01 đồng/kWh). Việc tăng giá bán điện sẽ góp phần cho lợi nhuận của Công ty tiếp tục tăng trưởng đáng kể.



CÁC RỦI RO

Rủi ro luật pháp

Chịu sự ảnh hưởng của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, và các văn bản luật có liên quan, hoạt động sản xuất và quản trị của Công ty Cổ phần Thủy điện- Điện lực 3 cũng gặp phải những khó khăn, tuy không phải là những rủi ro quá to lớn như các ngành nghề khác. Bất kỳ sự thay đổi hay ban hành mới về các quy định liên quan và quy định đặc thù ngành đều tác động trực tiếp đến hoạt động quản trị và kinh doanh của công ty. Trong năm 2017, với việc ban hành nghị định 71/2017/NĐ-CP hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng với công ty đại chúng có hiệu lực từ ngày 01 tháng 8 năm 2017 đòi hỏi mức độ quản trị của công ty cao hơn. Do đó, công ty cần phải có sự nghiên cứu, tìm tòi cũng như cập nhật kịp thời những thay đổi Pháp luật mới nhất được ban hành.



Rủi ro khác

Cũng như tất cả các doanh nghiệp khác, Công ty Cổ phần Thủy điện- Điện lực 3 vẫn phải đối mặt với những rủi ro thiên tai, chiến tranh, hỏa hoạn, dịch bệnh... Những sự kiện trên tuy hiếm xảy ra nhưng ảnh hưởng rất lớn đến tình hình hoạt động và sự ổn định Công ty. Với tình hình hạn hán, bão lũ, áp thấp nhiệt đới dày đặc do hiện tượng El Nino, La Nina, đặc biệt không thể không nhắc đến sức ảnh hưởng lớn của cơn bão số 12 trong năm 2017, công ty gặp phải những khó khăn đáng kể trong hoạt động sửa chữa bảo trì công trình và sản xuất điện năng. Có thể thấy những rủi ro trên là bất khả kháng, không thể loại trừ, gây tổn hại rất lớn đến tính mạng, sức khỏe của con người và tổn thất đến tài sản, tình hình hoạt động, kinh doanh của Công ty. Tuy không thể loại bỏ những rủi ro trên nhưng có thể đề phòng và giảm thiểu tổn thất bằng cách thường xuyên cập nhật tin tức chính trị, thời tiết, xã hội,... Đồng thời tuân thủ nghiêm ngặt các quy định, biện pháp phòng cháy chữa cháy và an toàn lao động.



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

II

Tình hình sản xuất kinh doanh

Tổ chức nhân sự

Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án

Tình hình tài chính

Thông tin cổ đông

Phát triển bền vững

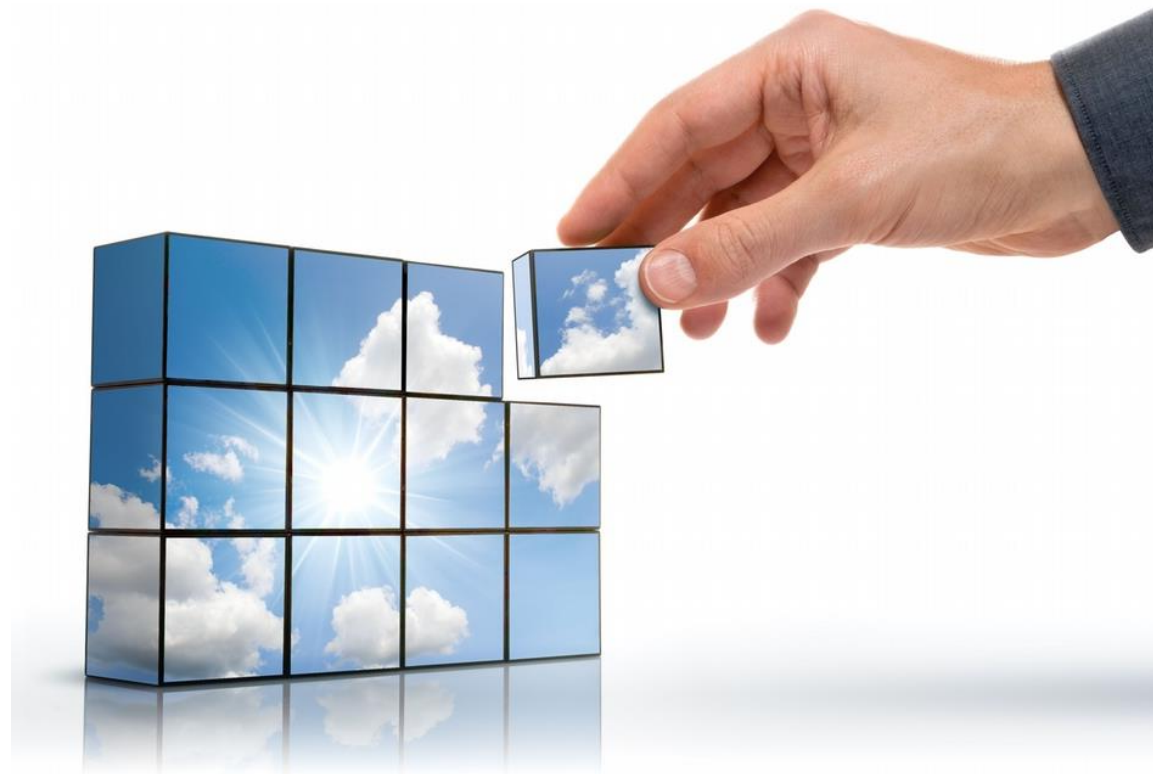


TÌNH HÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH

Stt	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2016	Năm 2017	% Năm 2017/ Năm 2016
1	Sản lượng điện thương phẩm	kWh	59.489.707	96.367.366	161,99%
2	Tổng doanh thu	Đồng	66.354.211.366	103.783.319.656	156,41%
3	Tổng chi phí	Đồng	29.850.942.694	36.043.382.655	120,74%
4	Lợi nhuận trước thuế	Đồng	36.548.268.672	67.741.262.001	185,34%
5	Lợi nhuận sau thuế	Đồng	34.344.187.900	63.806.462.873	185,79%
6	Lợi nhuận cơ bản trên cổ phiếu (EPS)	Đồng/ CP	3.402	6.266	184,19%

Năm 2017 được xem là sự bùng tỉnh của nền kinh tế sau một giấc ngủ dài, đặc biệt là đối với ngành thủy điện. Sau một năm khó khăn với công tác khắc phục nứt trục chính tổ máy số 1 nhà máy thủy điện Đrây H'linh 2 và thời tiết khô hạn kéo dài, câu chuyện năm 2017 đã dễ thở hơn rất nhiều cho Công ty Cổ phần Thủy điện – Điện lực 3 với các cơn mưa xuất hiện với tuần suất dày hơn và nhu cầu tiêu thụ điện năng tăng cao đáp ứng quá trình sản xuất của các doanh nghiệp để theo kịp đà phát triển của nền kinh tế.

Sản lượng điện thương phẩm năm 2017 là 96,37 triệu kWh tăng 61,99% so với năm trước. Tổng doanh thu tăng 56,41 %, lãi sau thuế của công ty lên đến 63,81 tỷ đồng, tăng gần 86% so với năm 2016 và vượt 57% chỉ tiêu lợi nhuận cả năm. Đây cũng là số lãi kỷ lục công ty từng đạt được từ trước đến nay.





TỔ CHỨC NHÂN SỰ

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ông Lê Kim Hùng - Chủ tịch HĐQT

Năm sinh: 1956

Nguyên quán: TP. Đà Nẵng

Trình độ văn hóa: Đại học

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư điện

Quá trình công tác:

- Từ 1975-1980: Bộ đội Viện quân y 17 Quân Khu 5
- Từ 1980-1981: Học văn hóa Trường văn hóa Quân khu 5
- Từ 1981-1986: Học trường Đại học bách khoa Đà Nẵng
- Từ 1986-1990: Công tác tại Xí nghiệp chế biến gỗ Hòa Vang, Đà Nẵng
- Từ 1990 đến 8/2016: làm Chuyên viên, Phó Trưởng phòng, Trưởng phòng, Phó Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty Điện lực Miền Trung
- 8/2016 đến nay: nghỉ hưu

Ông Nguyễn Sơn - Thành viên HĐQT

Năm sinh: 1960

Nguyên quán: Thừa Thiên - Huế

Trình độ văn hóa: Đại học

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư cơ khí

Quá trình công tác:

- Từ 1985 - 1988: Kỹ sư giám sát tại Ban quản lý công trình thủy điện Drây H'linh.
- Từ 1989 - 1990: Phó phòng Kế hoạch Vật tư - Ban quản lý công trình thủy điện Drây H'linh.
- Từ 1991 - 2003: Trưởng phòng Vật tư Vận tải – Điện lực Đắk Lắk.
- Từ 2003 - 2005: Quản đốc phân xưởng thủy điện – Điện lực Đắk Lắk.
- Từ 2005 - 2007: Phó Giám đốc Công ty CP Thủy điện - Điện lực 3.
- Từ tháng 10/2007 đến nay: Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy điện – Điện lực 3

Ông Nguyễn Văn Đức - Thành viên HĐQT

Năm sinh: 1963

Nguyên quán: Quảng Bình

Trình độ văn hóa: Đại học

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư điện

Quá trình công tác:

- Từ 1986 - 1990: Công tác tại Ban QLDA thủy điện Đrây Hlinh, chuyên viên Phòng Kỹ thuật.
- Từ 1990 - 1993: Công tác tại Nhà máy thủy điện Đrây Hlinh, CV Phòng Kỹ thuật
- Từ 1994 - 2003: Công tác tại Điện lực Đắk Lắk, CV Phòng Kỹ thuật
- Từ 4/2003 - 12/2006: Công tác tại Ban QLDA Năng lượng nông thôn khu vực miền Trung, Phó phòng Kỹ thuật
- Từ 2007 - 2010: Công tác tại Công ty Điện lực 3, Phó phòng Kỹ thuật
- Từ 2010 - nay: Công tác tại Tổng Công ty Điện lực Miền Trung, Trưởng Ban Kỹ thuật

Ông Nguyễn Đức Trọng - Thành viên HĐQT

Năm sinh: 1952

Nguyên quán: Phú Thọ

Trình độ văn hóa: Đại học

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư điện

Quá trình công tác:

- Từ 1969 - 1970 Học đại học Cơ điện Bắc Thái
- Từ 1970 - 1975 Đi bộ đội (Hạ sỹ quan)
- Từ 1975 - 1980 Học đại học Kỹ thuật Công nghiệp Việt Bắc
- Từ 1981 - 1987 Kỹ sư làm việc tại Đài Hoa Sen 1 Tổng cục Bưu điện
- Từ 1987 - 2012 Làm việc tại Công ty Điện lực Đắk Lắk, Chức vụ: Giám đốc
- Từ tháng 6/2012 đến nay Nghỉ hưu

Ông Nguyễn Minh Tiến - Thành viên HĐQT

Năm sinh: 1950

Nguyên quán: Quảng Trị

Trình độ văn hóa: Đại học

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư cơ khí

Quá trình công tác:

- Từ 1972-1975: Tham gia Quân đội
- Từ 1975-1978: Học Đại học Bách khoa
- Từ 1978-2010: Công tác tại Công ty Điện lực 3, Chức vụ: Phó Giám đốc
- Từ 2010 đến nay: Nghỉ hưu Từ tháng 6/2012 đến nay Nghỉ hưu



BAN ĐIỀU HÀNH

Ông Nguyễn Sơn – Giám đốc

(Xem lí lịch tại Danh sách thành viên HĐQT)

Ông Võ Đình Thanh Tuấn - Phó Giám

Năm sinh: 1978

Nguyên quán: Quảng Ngãi

Trình độ văn hóa: Đại học

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư điện

Quá trình công tác:

- Từ năm 1995 - 2000: Sinh viên trường Đại học SPKT TP Hồ Chí Minh
- Từ năm 2000 - 2005: Công tác tại PX Thủy điện - Điện lực Đắk Lắk
- Từ năm 2005 - 2008: Chuyên viên phòng KHKT Công ty Cp Thủy điện - Điện lực 3
- Từ năm 2008 đến nay: Quản đốc Phân xưởng vận hành, Công ty Cp Thủy điện - Điện lực 3
- Từ Ngày 01/02/2015: bổ nhiệm làm Phó Giám đốc Công ty Cp Thủy điện - Điện lực 3



Ông Phạm Đức Hùng

Kế Toán trưởng

Năm sinh: 1965

Nguyên quán: Hưng Yên

Trình độ văn hóa: Đại học

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Quá trình công tác:

- Từ 1983 - 2004 Công tác tại Điện lực Đắk Lắk, Phó TP Kế toán
- Từ 2004 - 2008 Công tác tại Điện lực Đắk Nông, Trưởng phòng Kế toán
- Từ 2008 - 2011 Công tác tại Công ty cổ phần Thủy điện - Điện lực 3, Trưởng phòng Nghiệp vụ
- Từ 2011 đến nay Công tác tại Công ty cổ phần Thủy điện - Điện lực 3, Kế Toán trưởng kiêm Trưởng phòng Nghiệp vụ



Ban Kiểm soát

Ông Trần Thanh Hà - Trưởng Ban kiểm soát

Năm sinh: 1982

Nguyên quán: Hải Hậu – Nam Định

Trình độ văn hóa: 12/12

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế - Chuyên ngành TC-KT

Quá trình công tác:

- Từ tháng 04/2007 đến tháng 8/2008: Chuyên viên Phòng tài chính – Công ty điện lực Đắk Nông. Địa chỉ: Thị xã Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông.
- Từ 09/2008 đến ngày 19/05/2016: Kế toán tổng hợp làm việc tại Công ty Cổ phần Thủy điện - Điện lực 3. Địa chỉ: xã Ea Pô, huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông.
- Từ 20/05/2016 đến nay: Trưởng Ban Kiểm soát chuyên trách Công ty CP Thủy điện - Điện lực 3.

Ông Hồ Thăng Thu - Kiểm soát viên

Năm sinh: 1968

Nguyên quán: Đà Nẵng

Trình độ văn hóa: Đại học

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị kinh doanh

Quá trình công tác:

- Từ 1990 - tháng 3/2014: Công tác tại Ban Tài chính kế toán – Tổng Công ty Điện lực Miền Trung
- Từ tháng 4/2014 đến nay: Kế toán trưởng Tổng Công ty điện lực Miền Trung.

Bà Hoàng Thị Thu Trang - Kiểm soát viên

Năm sinh: 1980

Nguyên quán: Hải Hậu – Nam Định

Trình độ văn hóa: 12/12

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế - Chuyên ngành Kế toán – kiểm toán

Quá trình công tác:

- Từ 1998 đến 2002: Sinh viên Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh; Chuyên ngành: Kế toán-Kiểm toán.
- Từ 2002 đến 2006: Kiểm toán viên thuộc Phòng Kiểm toán Doanh nghiệp 3_ Công ty Kiểm toán & Dịch vụ tin học (AISC); Địa chỉ: số 142 Nguyễn Thị Minh Khai, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh.
- Từ 2007 đến nay : Chuyên viên thuộc Phòng Tài chính Kế toán - Công ty Điện lực Đắk Lắk; Địa chỉ: số 02 Lê Duẩn, TP. Buôn Ma Thuột, Đắk Lắk.

SỐ LƯỢNG LAO ĐỘNG

STT	Tính chất phân loại	Số lượng (người)	Tỷ lệ
A	Theo trình độ	33	100,00 %
1	Trên đại học	00	0,0 %
2	Đại học	08	24,24 %
3	Cao đẳng, Trung cấp và CNKT	19	57,58 %
4	Khác	06	18,18 %
B	Theo tính chất hợp đồng lao động	33	100,00 %
1	Hợp đồng có xác định thời hạn	00	0,0 %
2	Hợp đồng không xác định thời hạn	33	100,00 %
3	Hợp đồng theo thời vụ	00	0,0 %

Thu nhập bình quân

Chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017
Tổng số lượng người lao động (người)	32	32	33	33
Thu nhập bình quân (đồng/người/tháng)	12.940.000	13.445.000	16.280.000	24.450.000



Chính sách nhân sự

Về tuyển dụng

Công ty luôn đề cao năng lực của mỗi nhân viên và chào đón các ứng viên muốn gắn bó lâu dài với Công ty, có phong cách làm việc chuyên nghiệp và năng động. Do đó, để thu hút nhân tài và tạo nên sự gắn kết lâu dài của cán bộ công nhân viên, giữ chân người lao động có chuyên môn cao phục vụ lâu dài cho Công ty, Ban điều hành đã đề ra các chính sách lương, thưởng rõ ràng, công khai và đặc biệt đối với các nhân viên xuất sắc, nhiều kinh nghiệm về lĩnh vực mà họ đang phụ trách.

Môi trường công việc

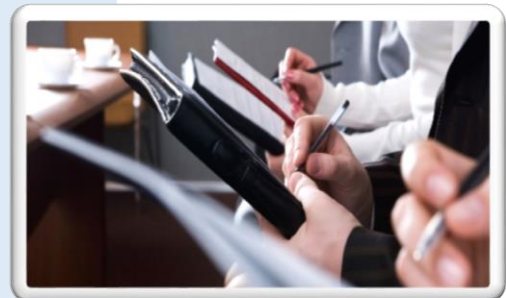
Công ty luôn cố gắng tạo một môi trường làm việc hiện đại, năng động, thân thiện và cân bằng cho cán bộ công nhân viên. Tất cả nhân viên làm việc tại Công ty cổ phần Thủy điện – Điện lực 3 đều được tạo cơ hội để phát huy tối đa khả năng của bản thân đồng thời phát triển, mở rộng vốn kiến thức hiểu biết. Những đóng góp, chia sẻ và cống hiến về sức lực và trí tuệ luôn được ghi nhận và đánh giá kịp thời.

Về lương, thưởng, phúc lợi, đãi ngộ

Công ty áp dụng cơ chế trả lương tương xứng với mức độ cống hiến và năng lực cạnh tranh của cá nhân. Bên cạnh đó, Công ty còn chú trọng xây dựng các chế độ đãi ngộ, phúc lợi linh hoạt, phù hợp với từng giai đoạn, đảm bảo sự công bằng và hài lòng cho nhân viên. Các chế độ, chính sách đối với người lao động được quy định trong Thỏa ước lao động tập thể như các chế độ BHXH, BHYT, bảo hiểm tai nạn, chế độ nghỉ dưỡng, phụ cấp thâm niên, trang bị đồng phục, hỗ trợ nghỉ việc, hưu trí,... đều thực hiện đầy đủ cho người lao động.

Về đào tạo

Công ty rất coi trọng công tác đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn của cán bộ công nhân viên, thường xuyên tổ chức cho cán bộ, nhân viên các bộ phận tham gia các lớp tập huấn nghiệp vụ... Bên cạnh đó, chất lượng của đội ngũ quản lý được chú trọng nâng cao bằng nhiều chương trình đào tạo cơ bản và thực tế bằng nhiều hình thức.



TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ

Các khoản đầu tư lớn trong năm: Không có

Các dự án lớn trong năm: Không có

Công ty con, Công ty liên kết: Không có

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH



ĐVT: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	% 2017/2016
1	Tổng giá trị tài sản	135.612	153.272	113,02%
2	Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	63.973	100.519	157,13%
3	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	36.548	67.740	185,34%
4	Lợi nhuận khác	-	-	-
5	Lợi nhuận trước thuế	36.548	67.741	185,34%
6	Lợi nhuận sau thuế	34.344	63.806	185,78%
7	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	3.402	6.266	183,21%



Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2016	Năm 2017
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	14,16	8,44
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	14,02	8,37
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	4,34	8,13
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	4,53	8,85
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	31,77	36,55
Vòng quay tổng tài sản	Vòng	0,47	0,70
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	53,69	63,48
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	26,47	45,32
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân	%	25,32	41,63
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh/ Doanh thu thuần	%	57,13	67,39

THÔNG TIN CỔ ĐÔNG

Thông tin cổ phiếu

Tổng số cổ phiếu đã phát hành: 9.500.000 cổ phần

- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 9.500.000 cổ phần
- Số lượng cổ phiếu quỹ: 0 cổ phiếu

Loại cổ phần: cổ phiếu phổ thông

Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng/ cổ phần

Cơ cấu cổ đông

(tính đến ngày 31/12/2017)

STT	Loại cổ đông	Số lượng cổ đông	Số cổ phần	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ lệ sở hữu (%)
I	Cổ đông trong nước	1.913	9.429.000	94.290.000.000	99,25%
1	Cổ đông Nhà nước	1	2.890.000	28.900.000.000	30,42%
2	Cổ đông tổ chức	2	2.891.058	28.910.580.000	30,43%
3	Cổ đông cá nhân	1.911	6.537.942	65.379.420.000	68,82%
II	Cổ đông nước ngoài	20	71.000	710.000.000	0,75%
1	Cổ đông tổ chức	6	48.970	489.700.000	0,52%
2	Cổ đông cá nhân	14	22.030	220.300.000	0,23%
III	Cổ phiếu quỹ	-	-	-	-
Tổng cộng		1.933	9.500.000	95.000.000.000	100%

Danh sách cổ đông lớn

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ	Số lượng (cổ phần)	Giá trị (đồng)	Tỷ lệ (%)
1	Tổng Công ty Điện lực Miền Trung	78A Duy Tân, TP Đà Nẵng	2.890.000	28.900.000.000	30,42%

(Đến ngày 31/12/2017)



Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu Không có.

Giao dịch cổ phiếu quỹ Trong năm Công ty không có giao dịch cổ phiếu quỹ.

Các chứng khoán khác Không có.

Sở hữu của cổ đông nội bộ và người có liên quan

(Tính đến ngày 31/12/2017)

Đối tượng	Họ và tên – Chức vụ	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu (%)	Ghi chú
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	Ông Lê Kim Hùng - Chủ tịch	10.000	0,11	
	Ông Nguyễn Sơn - Thành viên	10.000	0,11	
	Tổng Công ty Điện lực Miền Trung	578.000	6,08	Đại diện CSH
	Ông Nguyễn Minh Tiến - Thành viên	31.051	0,33	
	Bà Phạm Thị Bích Nhung	44.090	0,46	Vợ
	Ông Nguyễn Văn Đức - Thành viên	5.000	0,05	
	Bà Nguyễn Thị Tú Oanh	1.000	0,01	Vợ
	Tổng Công ty Điện lực Miền Trung	2.312.000	24,34	Đại diện CSH
	Ông Nguyễn Đức Trọng - Thành viên	40.000	0,42	
	BAN KIỂM SOÁT	Ông Trần Thanh Hà – Trưởng ban	1.000	0,01
Ông Hồ Thăng Thu - Thành viên		20.000	0,21	
Bà Hoàng Thị Thu Trang - Thành viên		10.000	0,11	
BAN ĐIỀU HÀNH	Ông Nguyễn Sơn - Giám đốc	-	-	Phản HĐQT
	Ông Võ Đình Thanh Tuấn - Phó Giám đốc	4.550	0,05	
	Ông Phạm Đức Hùng - Kế toán trưởng	12.600	0,13	



PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG



Văn hóa doanh nghiệp

Công ty không ngừng chú trọng đến việc xây dựng văn hóa doanh nghiệp và xem đây là một tài sản lớn vô hình, vô giá của Công ty trong quá trình xây dựng và phát triển bền vững.

Công ty duy trì và thực hiện tốt phong trào thi đua lao động giỏi, lao động sáng tạo, phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật,... Công ty luôn duy trì và phát huy các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao trong doanh nghiệp thông qua các hoạt động phong trào trong Công ty và phong trào “Sáng - Xanh - Sạch - Đẹp” để giữ được môi trường làm việc lành mạnh, nhằm từng bước nâng cao đời sống văn hóa, tinh thần cho người lao động. Các hoạt động nhằm gắn kết người lao động trong toàn đơn vị, khích lệ và động viên người lao động phát huy năng khiếu và tạo nên sân chơi sôi nổi, là động lực để mọi người cùng đoàn kết, hăng hái, cùng nhau quyết tâm thực hiện nhiệm vụ chuyên môn.

Đối với người lao động

Chính sách lương

Công ty thực hiện phân phối lương theo tính chất công việc và trách nhiệm của người lao động. Quỹ tiền lương được phân phối trực tiếp cho người lao động, không sử dụng vào mục đích khác. Trường hợp người lao động làm thêm giờ hoặc làm đêm, Công ty thực hiện chi trả lương làm thêm giờ hoặc phụ cấp làm đêm theo quy định của Bộ luật Lao động.

Chính sách khen thưởng

Hàng tháng, người lao động được đánh giá, phân loại để làm cơ sở cho việc trả lương và khen thưởng cho người lao động vào cuối năm. Cuối năm, công ty đạt hoặc vượt kế hoạch đã đề ra thì người lao động được thưởng từ quỹ khen thưởng phúc lợi của Công ty.

Đối với kinh tế

Công ty luôn xác định mục tiêu hoạt động của mình là tối đa hóa lợi nhuận đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh trong phạm vi pháp luật cho phép; tạo công ăn việc làm ổn định và nâng cao thu nhập cho người lao động; tạo lợi ích bền vững cho cổ đông góp phần tăng thu ngân sách tạo điều kiện phát triển kinh tế cho tỉnh Đắk Nông và cả nước.

Với những mục tiêu đó, Ban lãnh đạo các cấp cùng toàn thể công nhân viên DRL luôn cố gắng hoàn thành hoàn thành các nhiệm vụ được Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị giao phó. Năm qua, Công ty đã tạo ra được những giá trị kinh tế rất đáng ghi nhận khi đã luôn đồng hành, đảm bảo được công việc và thu nhập ổn định cho người lao động hoạt động sản xuất kinh doanh ổn định và nghiêm chỉnh tuân thủ các nghĩa vụ thuế đối với Nhà nước.



Đối với môi trường

Công ty luôn ý thức trách nhiệm đối với môi trường thông qua việc liên tục kiểm soát, đánh giá tác động của hoạt động kinh doanh đến môi trường xung quanh để có những biện pháp xử lý, sử dụng hợp lý các nguồn tài nguyên tại khu vực hoạt động kinh doanh.

Khi xây dựng kế hoạch hoạt động kinh doanh, Công ty luôn chú ý đến những tác động trong quá trình hoạt động kinh doanh để có thể đề ra những chính sách hợp lý để tránh gây ảnh hưởng đến môi trường và tiết kiệm được chi phí. Công ty chưa từng bị xử phạt do không tuân thủ các quy định về môi trường.



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC




Kết quả hoạt động
Tình hình tài chính
Các cải tiến trong năm
Kế hoạch phát triển



KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Stt	Nội dung	ĐVT	KH2017	TH2017	TH2017/KH2017
1	Tổng sản lượng điện thương phẩm	kWh	70.000.000	96.367.366	137,77%
	Tổng doanh thu	Đồng	75.851.094.000	103.783.319.656	136,83%
	<i>Doanh thu tiền điện</i>	<i>Đồng</i>	<i>66.474.059.000</i>	<i>90.629.689.006</i>	<i>136,34%</i>
2	<i>Doanh thu tài chính (Lãi tiền gửi)</i>	<i>Đồng</i>	<i>2.300.000.000</i>	<i>3.264.741.853</i>	<i>141,95%</i>
	<i>Doanh thu từ thuế tài nguyên</i>	<i>Đồng</i>	<i>5.677.035.000</i>	<i>7.815.441.566</i>	<i>137,67%</i>
	<i>Doanh thu từ phí dịch vụ môi trường</i>	<i>Đồng</i>	<i>1.400.000.000</i>	<i>2.073.447.231</i>	<i>148,10%</i>
3	Tổng chi phí	Đồng	32.663.615.000	36.042.057.655	110,34%
4	Lợi nhuận trước thuế	Đồng	43.187.479.000	67.741.262.001	156,85%
5	Thuế TNDN	Đồng	2.504.374.000	3.934.799.128	157,12%
6	Lợi nhuận sau thuế TNDN	Đồng	40.638.105.000	63.806.462.873	157,01%
7	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Đồng/cp	4.282	6.266	146,33%





Năm 2017, tuy phải đối mặt với những khó khăn do thiên tai với số lượng cơn bão có ảnh hưởng đến nước ta đạt mức kỷ lục trong vòng 20 năm qua (16 cơn bão) nhưng có thể thấy, ngành Thủy điện Việt Nam nói chung và Công ty Cổ phần Thủy điện - Điện lực 3 nói riêng đã có những khởi sắc với những kết quả khả quan đạt được. Từ quý III/2017 đã là giai đoạn thăng hoa của Công ty với điều kiện thủy văn thuận lợi khiến làm cho sản lượng và lợi nhuận đã cán mức kế hoạch năm. Điều kiện thời tiết thuận lợi, lượng mưa nhiều khiến cho giá vốn sản xuất của công ty giảm mạnh cũng là nguyên nhân đem đến thành công cho Công ty trong năm qua. Hiện tượng thời tiết La Nina gây mưa nhiều trái ngược hẳn với El Nino gây khô hạn hồi năm ngoái khiến cho sự chênh lệch kết quả kinh doanh giữa năm nay và cùng kỳ năm 2016 càng được thể hiện rõ. Sản lượng điện thương phẩm đạt 96,37 triệu kWh vượt 137,67% so với kế hoạch đã đề ra. Từ đó, giúp cho tổng doanh thu đạt vượt 136,83% so với Nghị quyết.

Nhìn chung, so với mục tiêu đã đặt ra cho năm 2017, mặc dù đã có những bất lợi về mặt khách quan lẫn chủ quan trong công tác sản xuất kinh doanh nhà máy thủy điện Drây H'Lin 2, nhưng công ty đã hoàn thành tốt và vượt xa các mức chỉ tiêu đã đề ra trong Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên, đặc biệt là cổ tức đạt 155,51% so với kế hoạch đã đề ra.

Để tránh tình trạng dừng máy do sự cố, Ban Giám đốc đã chủ động thực hiện một số hạng mục sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị phụ trợ của nhà máy; Duy tu bảo dưỡng tổ máy số 2. Đặc biệt là việc cân chỉnh tổ máy số 1 sau khi hàn trục, đã phát huy hiệu quả tích cực trong công tác vận hành khai thác; Công tác thí nghiệm định kỳ nhà máy cũng như việc bảo dưỡng, thí nghiệm chẩn đoán các hư hỏng có thể xảy ra đối với trạm biến áp, đường dây được quan tâm thực hiện một cách có chất lượng để đảm bảo công tác vận hành được an toàn, liên tục. Có thể kể đến việc mua sắm phần trục mới, máyơ và các vật tư thiết bị đi kèm với tổng giá trị gói thầu 140.000,00 USD của tập đoàn Điện lực Dong Fang (DEC) chuẩn bị cho việc thay thế trục chính của tổ máy số 1 bị sự cố năm 2016. Chủ động trong việc kiểm tra thường xuyên công tác vận hành an toàn máy móc thiết bị của nhà máy.

CÔNG TÁC TÀI CHÍNH

Hoàn thành việc lập và kiểm toán các báo cáo tài chính quý đúng thời gian và công bố thông tin đúng theo quy định hiện hành của nhà nước.

- Thường xuyên thực hiện công tác kiểm soát chi phí của công ty năm 2017.
- Lập và hoàn thiện kế hoạch tài chính - sản xuất kinh doanh năm 2018 để HĐQT Công ty trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 phê duyệt.
- Chi trả 04 đợt cổ tức:
 - + Đợt 1/2017 với tỷ lệ là: 20,00%/cổ phiếu (Phần cổ tức của năm 2016)
 - + Đợt 2/2017 với tỷ lệ là: 11,00%/cổ phiếu (Phần cổ tức còn lại của năm 2016)
 - + Đợt 3/2017 với tỷ lệ là: 20,00%/cổ phiếu (Tạm ứng phần lợi nhuận năm 2017)
 - + Đợt 4/2017 với tỷ lệ là: 20,00%/cổ phiếu (Tạm ứng phần lợi nhuận năm 2017, thực hiện chi trả vào ngày 24/01/2018)
- Việc thực hiện chế độ lương, thưởng cho Người lao động trong công ty luôn được chú trọng kịp thời, đúng theo các quy định của nhà nước, của ngành và các quy chế của công ty.



CÔNG TÁC QUẢN LÝ KỸ THUẬT, AN TOÀN VỆ SINH LAO ĐỘNG, PHÒNG CHỐNG CHÁY NỔ, PHÒNG CHỐNG BẢO LỤT

- Công tác quản lý thiết bị vẫn được duy trì theo nề nếp, vật tư thiết bị dự phòng luôn được chuẩn bị đầy đủ để thay thế kịp thời những hư hỏng đảm bảo cho vận hành được liên tục.
- Công tác an toàn trong vận hành hệ thống luôn được chú trọng, tuân thủ nghiêm chế độ phiếu thao tác, phiếu công tác.
- Đặc biệt chú trọng đến công tác kiểm định và tổ chức huấn luyện; kiểm tra sát hạch định kỳ cho công nhân về vận hành các thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động.
- Công tác phòng chống cháy nổ, phòng chống bão lụt luôn được quan tâm và gắn liền với công tác vận hành an toàn nhà máy. Vì thế, trong thời gian qua công ty đã chủ động tổ chức huấn luyện và diễn tập phương án PCCN, phòng chống bão lụt cho toàn thể CBCNV công ty.
- Công tác An toàn - Vệ sinh lao động được công ty quan tâm thực hiện chu đáo. Các chế độ phụ cấp ca 3, phụ cấp làm thêm giờ, cấp trang bị bảo vệ cá nhân, trang cụ an toàn ... được thực hiện đầy đủ theo quy định của pháp luật.

CÔNG TÁC KHÁC

- Tổ chức thành công Đại hội cổ đông thường niên năm 2017.
- Cùng với Công đoàn công ty tổ chức 02 đoàn CBCNV tham quan, học tập kinh nghiệm tại Quảng Nam, Đà Nẵng; Thừa Thiên Huế và 02 đoàn tại Malaysia - Singapo.
- Tổ chức bồi dưỡng nghề và sát hạch nâng bậc nghề cho công nhân vận hành nhà máy thủy điện.
- Thường xuyên tôn tạo, chăm sóc và trồng thêm cây xanh vào khuôn viên hiện có của công ty.
- Công tác xã hội: Công ty đã hỗ trợ cho Hội nạn nhân chất độc màu da cam, hộ nghèo, gia đình chính sách huyện Cư Jút và của tỉnh Đắk Nông; hỗ trợ thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới hiện Cư Jút với số tiền trên 150 triệu đồng.
- Hoạt động thi đua khen thưởng trong năm qua vẫn tiếp tục được giữ vững và nâng cao hiệu quả. Thường xuyên động viên công nhân vận hành bảo quản thiết bị, phát huy sáng kiến cải tiến kỹ thuật. Phong trào văn hoá văn nghệ, thể dục thể thao được cán bộ công nhân viên trong công ty hưởng ứng và tham gia sôi nổi, tạo được sự gắn bó giữa Người lao động với nhà máy, với công ty.



TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	TH2017/TH2016	Tỷ trọng 2016	Tỷ trọng 2017
Tài sản ngắn hạn	83.276	105.164	126,28%	61,41%	68,61%
Tài sản dài hạn	52.336	48.107	91,92%	38,59%	31,39%
Tổng tài sản	135.612	153.271	113,02%	100%	100%

Tổng tài sản năm 2017 tăng 13,02% so với năm 2016, trong đó tuy tài sản ngắn hạn tăng 26,28% nhưng tài sản dài hạn lại giảm 8,08% so với cùng kỳ năm trước. Nguyên nhân chủ yếu là do trong năm 2017, Công ty không đầu tư mua thêm tài sản cố định hữu hình, các khoản khấu hao trong năm dẫn đến giá trị tài sản dài hạn tại thời điểm 31/12/2017 giảm so với năm 2016. Bên cạnh đó, các khoản tiền gửi kỳ hạn dưới 3 tháng góp phần làm tăng tài sản ngắn hạn của Công ty

ĐVT: Triệu đồng

Tài sản cố định hữu hình	Nguyên giá	Khấu hao	Giá trị còn lại	Giá trị còn lại/ Nguyên giá
Nhà cửa, vật kiến trúc	60.895	18.610	42.285	69,44%
Máy móc thiết bị	86.754	83.828	2.926	3,37%
Phương tiện vận tải truyền dẫn	1.527	905	621	40,70%
Thiết bị, dụng cụ quản lý	1.277	406	871	68,21%
TSCĐ khác	1.467	1.303	164	11,21%
Cộng	151.919	105.052	46.867	30,85%



TÌNH HÌNH SỬ DỤNG VỐN

Cơ cấu sử dụng vốn

(tính đến ngày 31/12/2017)

ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	TH2017/TH2016	Tỷ trọng 2016	Tỷ trọng 2017
Nợ phải trả	5.882	12.467	211,89%	4,34%	8,13%
Vốn chủ sở hữu	129.730	140.804	108,54%	95,66%	91,87%
Tổng nguồn vốn	135.612	153.271	113,02%	100%	100%

Cơ cấu sử dụng nợ

(tính đến ngày 31/12/2017)

ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	TH2017/TH2016	Tỷ trọng 2016	Tỷ trọng 2017
Nợ ngắn hạn	5.882	12.467	211,89%	100%	100%
Nợ dài hạn	-	-	-	0%	0%
Tổng nợ phải trả	5.882	12.463	211,89%	100%	100%

NHỮNG CẢI TIẾN TRONG NĂM

Những cải tiến về cơ cấu tổ chức

Bộ máy quản lý gọn nhẹ mà hiệu quả, đội ngũ CBCNV trẻ, khỏe, có trình độ chuyên môn vững vàng, được đào tạo bài bản, nhiệt tình, có trách nhiệm trong công việc và có tinh thần đoàn kết tập thể rất cao.

Kiểm soát chi phí

Trong năm công ty đã xây dựng các kế hoạch tài chính, kế hoạch chi phí và cùng với Ban Kiểm soát công ty thực hiện tốt việc kiểm soát các loại chi phí một cách hợp lý hợp lệ, cắt giảm các chi phí không cần thiết, từ đó nâng cao hiệu quả hoạt động của Công ty, đảm bảo tỷ lệ chi trả cổ tức cho cổ đông vượt kế hoạch mà Đại hội đồng cổ đông giao.



KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN

Tình hình thời tiết năm 2018 tại Tây Nguyên rất khó dự đoán; chế độ vận hành thì phục thuộc hoàn toàn vào thủy điện bậc trên. Mặc khác, trong năm dự kiến sẽ thực hiện thay trực tổ máy số 1 trong khoảng thời gian 2,5 tháng. Đó là các yếu tố bất lợi cho công tác sản xuất điện của Công ty trong năm 2018.

Các chỉ tiêu chính của kế hoạch tài chính năm 2018

1. Kế hoạch sản lượng điện : 72,00 triệu kWh
2. Cổ tức dự kiến : đạt từ 45,00%/cổ phiếu trở lên

Tổ chức thực hiện

- Tiếp tục vận hành và khai thác một cách có hiệu quả cao nhất Nhà máy thủy điện Đrây H'Linh 2, phấn đấu vượt kế hoạch sản lượng và doanh thu đã đề ra.
- Đẩy mạnh công tác quản lý kỹ thuật, kiểm tra thường xuyên các thiết bị tại nhà máy, sớm phát hiện và khắc phục các sự cố có thể xảy ra, để luôn đảm bảo việc huy động hết công suất của các tổ máy khi có nguồn nước, đặc biệt là vào giờ cao điểm.
- Theo dõi tình hình thời tiết trong khu vực; chế độ vận hành của các nhà máy thủy điện bậc trên và tình hình thiết bị tại nhà máy để điều chỉnh kế hoạch Tài chính - SXKD năm 2018 sát với thực tế hơn nữa.
- Thực hiện tiết kiệm chi phí, phục vụ hiệu quả cho sản xuất vận hành TĐ Đrây H'Linh 2.
- Tập trung và tổ chức thực hiện kịp thời, có chất lượng công tác thay trực tổ máy H1; bảo dưỡng nhà máy và thí nghiệm định kỳ thiết bị trong thời gian thích hợp.
- Thực hiện tốt công tác kiểm tra thường xuyên và sửa chữa thiết bị của nhà máy để hạn chế đến mức thấp nhất các sự cố có thể xảy ra.
- Tiếp tục bồi dưỡng nâng cao tay nghề cho công nhân, nhằm chủ động trong việc vận hành thiết bị và xử lý sự cố, sửa chữa thiết bị.
- Phối hợp tốt với đơn vị tư vấn để hoàn thiện hồ sơ, trình các cơ quan chức năng và Đại hội đồng cổ đông Công ty để triển khai dự án: Mở rộng công suất nhà máy thủy điện Đrây H'Linh 2.

Một số công tác khác

- Tiếp tục thực hiện tốt công tác xã hội đối với địa bàn huyện Cư Júit để tăng cường sự gắn bó giữa doanh nghiệp và địa phương.
- Thực hiện tốt chương trình Sáng - Xanh - Sạch - Đẹp, tiếp tục chăm sóc khuôn viên cây xanh của Công ty.
- Tạo điều kiện cho các tổ chức đoàn thể trong Công ty hoạt động để góp phần thúc đẩy Người lao động thi đua lao động sản xuất an toàn hiệu quả, mang lại lợi ích kinh tế, cải thiện đời sống và bảo vệ lợi ích người lao động. Phấn đấu đạt mức thu nhập bình quân cho người lao động năm 2018 không thấp hơn 20 triệu đồng/người/tháng.





**BÁO CÁO CỦA
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**



Đánh giá các mặt hoạt động của Công ty
Đánh giá hoạt động của Ban Giám đốc
Kế hoạch và định hướng của HĐQT



ĐÁNH GIÁ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Sau giai đoạn trầm lắng đầy khó khăn của các doanh nghiệp ngành thủy điện Việt Nam năm 2015-2016 với chu kỳ El Nino mạnh và kéo dài nhất trong lịch sử khiến sản lượng của các doanh nghiệp ngành điện nói chung và Công ty Cổ phần Thủy điện – Điện lực 3 sụt giảm nghiêm trọng, tình hình năm 2017 đã trở nên sôi nổi hơn với những chuyển biến tích cực từ nền kinh tế và điều kiện khí tượng thủy văn, mang lại cho Công ty những thành quả rất đáng ghi nhận. Trong năm 2017, chu kỳ hạn hán ở khu vực miền Trung – Tây nguyên kết thúc trùng với hiện tượng La Nina diễn ra vào mùa khô 2017 khiến một loạt doanh nghiệp thủy điện trong đó có Công ty Cổ phần Thủy điện – Điện lực 3 có sự tăng trưởng tích cực về kết quả kinh doanh. Thuận lợi về điều kiện thời tiết với lượng mưa nhiều và tổng lượng dòng chảy đến các hồ thủy điện cao mang về lượng nước phục vụ công tác sản xuất điện luôn dồi dào, tạo nên sự bứt phá mạnh mẽ về mặt sản lượng và doanh thu.

Cùng với những biến chuyển tích cực về mặt khí tượng thủy văn là sự điều hành quyết liệt của Hội đồng quản trị, theo sát những kế hoạch mà Đại hội đồng cổ đông đề ra, Công ty Cổ phần Thủy điện – Điện lực 3 đã hoàn thành vượt mức tất cả các chỉ tiêu mà kế hoạch đã đề ra: Sản lượng đạt: 96,37 triệu kWh; Tổng doanh thu đạt 103,78 tỷ đồng; Lợi nhuận sau thuế: -63,81 tỷ đồng, đạt 156,84% kế hoạch năm và mức cổ tức đạt 62,66%/cp. Đó chính là những thành quả của một năm đầy quyết tâm và cố gắng trong công tác sản xuất kinh doanh và điều hành với những giải pháp đồng bộ của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và toàn thể cán bộ công nhân viên Công ty Cổ phần Thủy điện – Điện lực 3.



ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Nhìn lại một năm hoạt động, dưới sự giám sát sát sao của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc đã thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ trong điều hành sản xuất kinh doanh, chuẩn bị các nội dung báo cáo và trình Hội đồng quản trị xem xét trong năm 2017. Sau những khó khăn từ những hệ quả của thiên tai, bão lũ, Ban Giám đốc và toàn thể toàn thể cán bộ công nhân viên đã chủ động đối mặt với khó khăn, nỗ lực hoàn thành những mục tiêu trong năm mới theo đúng các định hướng chỉ đạo của HĐQT.

Kết quả là đã hoàn thành vượt mức tất cả các chỉ tiêu kinh tế và các nội dung đã đề ra trong Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên. Bên cạnh đó, Công ty đã không ngừng đổi mới công tác quản lý và xây dựng văn hóa doanh nghiệp. Trong năm vừa qua, các hoạt động điều hành Công ty của Ban Giám đốc và các cán bộ quản lý không xảy ra điều gì bất thường.



KẾ HOẠCH VÀ ĐỊNH HƯỚNG

Khó khăn và thách thức

Tình hình thời tiết năm 2018 tại Tây Nguyên rất khó dự đoán; chế độ vận hành thì phụ thuộc hoàn toàn vào thủy điện bậc trên. Mặt khác, trong năm sẽ thực hiện thay trực kết hợp đại tu tổ máy số 1 trong khoảng thời gian 2,5 tháng. Đó là các yếu tố bất lợi cho công tác sản xuất điện của Công ty trong năm 2018.

Kế hoạch đầu tư

Triển khai các thủ tục xin quy hoạch bổ sung dự án mở rộng công suất nhà máy thủy điện Đrây H'linh 2 thêm 12MW.

Biện pháp thực hiện

Để thực hiện các chỉ tiêu nêu trên, sau khi được Đại hội đồng cổ đông quyết định. Hội đồng quản trị tập trung chỉ đạo thực hiện các giải pháp sau đây:

- Chỉ đạo Ban Giám đốc bám sát và thực hiện các nội dung của Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2018, Nghị quyết và các chỉ đạo của HĐQT.
- Chỉ đạo Giám đốc công ty phối hợp theo dõi công tác vận hành của các nhà máy thủy điện bậc trên để vận hành nhà máy thủy điện Đrây H'linh 2, đảm bảo vận hành theo lượng nước về. Tiếp tục phối hợp với các chủ đầu tư của các nhà máy thủy điện Đrây H'Linh 1 và 3 để đề nghị sửa đổi bổ sung Quy trình vận hành hồ chứa Đrây H'Linh cho phù hợp với tình hình thực tế nguồn nước vận hành trong thời gian qua, đảm bảo trên tinh thần không lãng phí nguồn nước.
- Chỉ đạo công tác chuẩn bị vật tư, thiết bị và nhân lực để thực hiện một số công việc: Thay trực kết hợp đại tu tổ máy số 1; Sửa chữa bảo dưỡng định kỳ nhà máy theo kế hoạch và sẵn sàng vận hành khi có nước. Tăng cường kỷ luật vận hành, giảm thiểu sự cố (không có sự cố chủ quan) để đạt sản lượng phát điện trong năm.
- Nâng cao năng suất lao động, tiết giảm chi phí để mang lại hiệu quả và lợi nhuận cao nhất cho cổ đông.
- Tập trung cho công tác đào tạo cán bộ, tạo thế mạnh về nguồn nhân lực cho Công ty, hoàn thiện hệ thống lương, thưởng, đánh giá và quy hoạch cán bộ quản lý.
- Tổ chức các phiên họp định kỳ và các cuộc họp mở rộng đột xuất để giám sát hoạt động và đảm bảo việc tuân thủ đúng các Nghị quyết, Quyết định của ĐHĐCĐ và HĐQT đối với Ban Giám đốc.

72 triệu

Sản lượng điện thương phẩm

85,01 tỷ đồng

Tổng Doanh thu

46,07 tỷ đồng

Lợi nhuận sau thuế

4.846 đồng/CP

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

45,53 %/CP

Tỷ lệ chi trả cổ tức



QUẢN TRỊ CÔNG TY



Hội đồng quản trị

Ban kiểm soát

Giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích khác của
HĐQT, BKS và Ban điều hành



DANH SÁCH THÀNH VIÊN HĐQT

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số lượng cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ
1	Ông Lê Kim Hùng	Chủ tịch	10.000	0,11
2	Ông Nguyễn Sơn	Thành viên	10.000	0,11
3	Ông Nguyễn Minh Tiến	Thành viên	31.050	0,33
4	Ông Nguyễn Văn Đức	Thành viên	5.000	0,05
5	Ông Nguyễn Đức Trọng	Thành viên	61.300	0,65

CÁC CUỘC HỌP CỦA HĐQT

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bắt đầu là TV HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp
1	Ông Lê Kim Hùng	Chủ tịch	17/04/2013	6/6	100%
2	Ông Nguyễn Sơn	Thành viên	17/04/2013	6/6	100%
3	Ông Nguyễn Minh Tiến	Thành viên	17/04/2013	6/6	100%
4	Ông Nguyễn Văn Đức	Thành viên	17/04/2013	6/6	100%
5	Ông Nguyễn Đức Trọng	Thành viên	17/04/2013	6/6	100%

Trong năm, HĐQT đã đưa ra các quyết định, nghị quyết:

STT	Số nghị quyết	Ngày	Nội dung
1	04-NQ/PC3HP.Co-HĐQT	17/01/2017	Thông qua việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017
2	05-NQ/PC3HP.Co-HĐQT	14/02/2017	Thông qua việc thay đổi thời gian tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017
3	06-NQ/PC3HP.Co-HĐQT	14/03/2017	Họp HĐQT định kỳ Quý I/2017 để thông qua một số nội dung về công tác SXKD và triển khai các công việc chuẩn bị cho ĐHCĐ TN năm 2017
4	09-NQ/PC3HP.Co-HĐQT	15/03/2017	Thông qua việc chi trả 11% phần cổ tức còn lại của năm 2016
5	11-NQ/PC3HP.Co-HĐQT	27/03/2017	Họp HĐQT để triển khai một số nội dung của Nghị quyết số 08-NQ/PC3HP.Co-ĐHCĐ ngày 15/03/2017
6	12-NQ/PC3HP.Co-HĐQT	31/05/2017	Lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2017
7	15-NQ/PC3HP.Co-HĐQT	07/08/2017	Một số nội dung của phiên họp HĐQT định kỳ Quý II năm 2017
8	16-NQ/PC3HP.Co-HĐQT	07/08/2017	Tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2017 với tỷ lệ 20%/CP
9	18-NQ/PC3HP.Co-HĐQT	12/10/2017	Một số nội dung của phiên họp HĐQT định kỳ Quý III năm 2017
10	21-NQ/PC3HP.Co-HĐQT	23/11/2017	Tạm ứng cổ tức đợt 2 năm 2017 với tỷ lệ 20%/CP
11	24-NQ/PC3HP.Co-HĐQT	30/12/2017	Một số nội dung của phiên họp HĐQT định kỳ Quý IV năm 2017
12	20-QĐ/PC3HP.Co-NV	12/10/2017	Quyết định về việc bổ nhiệm Người quản trị công ty

Hoạt động giám sát của Hội đồng quản trị đối với Ban Giám đốc

Căn cứ các nội dung của Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2017 đã được các cổ đông Công ty thông qua.

Trong năm qua, HĐQT đã chỉ đạo sát sao và quyết liệt Ban Giám đốc điều hành và toàn thể Người lao động trong Công ty tập trung công tác sản xuất kinh doanh để hoàn thành vượt kế hoạch các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh và tất cả các nội dung đề ra trong Nghị quyết.

Đối với nội dung số 9 của Nghị quyết là “Mua và thay thế trục tổ máy số 1”: HĐQT đã chỉ đạo Ban Giám đốc Công ty đã thực hiện xong việc mua trục với đối tác là nhà thầu: Tập đoàn Điện lực Dong Fang (DEC). Việc thay trục tổ máy số 1 sẽ cân nhắc lựa chọn và thời điểm thích hợp nhất để ảnh hưởng ít nhất để vấn đề khai thác vận hành nhà máy, nên Công ty đề thực hiện trong năm 2018.

Riêng nội dung số 10 của Nghị quyết là “Nghiên cứu đầu tư dự án năng lượng mặt trời và mua cổ phiếu của Công ty Cổ phần điện Tam Long”: HĐQT chỉ đạo không thực hiện và sẽ có báo cáo ĐHCĐ thường niên năm 2018, vì lý do:

- Đối với dự án năng lượng mặt trời: Cần theo dõi một số dự án đang triển khai trong khu vực để có dữ liệu chi tiết đánh giá tính hiệu quả và khả thi của dự án.
- Đối với việc đề nghị mua cổ phiếu của Công ty CP điện Tam Long: Do Công ty CP điện Tam Long không phát hành bán cổ phiếu ra ngoài.

Công tác chỉ đạo sản xuất kinh doanh

Năm qua, Hội đồng quản trị đã chỉ đạo Ban Giám đốc trong hoạt động sản xuất kinh doanh và đạt được kết quả với tỷ lệ đạt cao so với Nghị quyết ĐHCĐ năm 2017 như sau:

- Sản lượng điện thương phẩm : 96,36 triệu kWh đạt 137,67%
- Tổng doanh thu : 103,78 tỷ đồng đạt 136,83%
- Tổng chi phí : 36,04 tỷ đồng vượt 10,34%
- Lợi nhuận trước thuế TNDN : 67,74 tỷ đồng đạt 156,85%
- Thuế TNDN : 3,93 tỷ đồng vượt 57,07%
- Lợi nhuận sau thuế TNDN : 63,81 tỷ đồng đạt 156,84%
- Lãi cơ bản trên cổ phiếu : 6.266 đồng/cổ phiếu



Chỉ đạo các công tác khác

- Tổ chức thành công Đại Hội đồng cổ đông thường niên năm 2017.
- Thực hiện chi trả cổ tức phần còn lại của năm 2016 với tỷ lệ là 11,00%/cổ phiếu cho các cổ đông của Công ty.
- Thực hiện chi trả 02 đợt cổ tức năm 2017 với tỷ lệ là 40,00%/cổ phiếu cho các cổ đông của Công ty.
- Thông qua một số công việc liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo quyền hạn và chức năng của Hội đồng quản trị.

Các biên bản cuộc họp HĐQT

- Biên bản cuộc họp định kỳ Quý IV năm 2016 ngày 16/01/2017 với nội dung: Báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh Quý IV và cả năm 2016; Triển khai công tác Quý I năm 2017; triển khai công tác chuẩn bị ĐHĐCĐ thường niên năm 2017.
- Biên bản cuộc họp định kỳ Quý I năm 2017 ngày 14/03/2017 với nội dung: Báo cáo công tác SXKD Quý I và triển khai công tác Quý II năm 2017. Bàn về một số nội dung liên quan đến công tác ĐHĐCĐ thường niên năm 2017.
- Biên bản cuộc họp bất thường ngày 27/03/2017 để báo cáo về công tác đặt mua trực chính cho tổ máy số 1 theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2017.
- Biên bản cuộc họp định kỳ Quý II năm 2017 ngày 07/08/2017 với nội dung: Báo cáo công tác SXKD Quý II và triển khai công tác Quý III năm 2017.
- Biên bản cuộc họp định kỳ Quý III năm 2017 ngày 12/10/2017 với nội dung: Báo cáo công tác SXKD Quý III và triển khai công tác Quý IV năm 2017.
- Biên bản cuộc họp định kỳ Quý IV năm 2017 ngày 29/12/2017 với nội dung: Báo cáo công tác SXKD Quý IV và triển khai một số nội dung công tác trong thời gian đến.

Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập: Không có

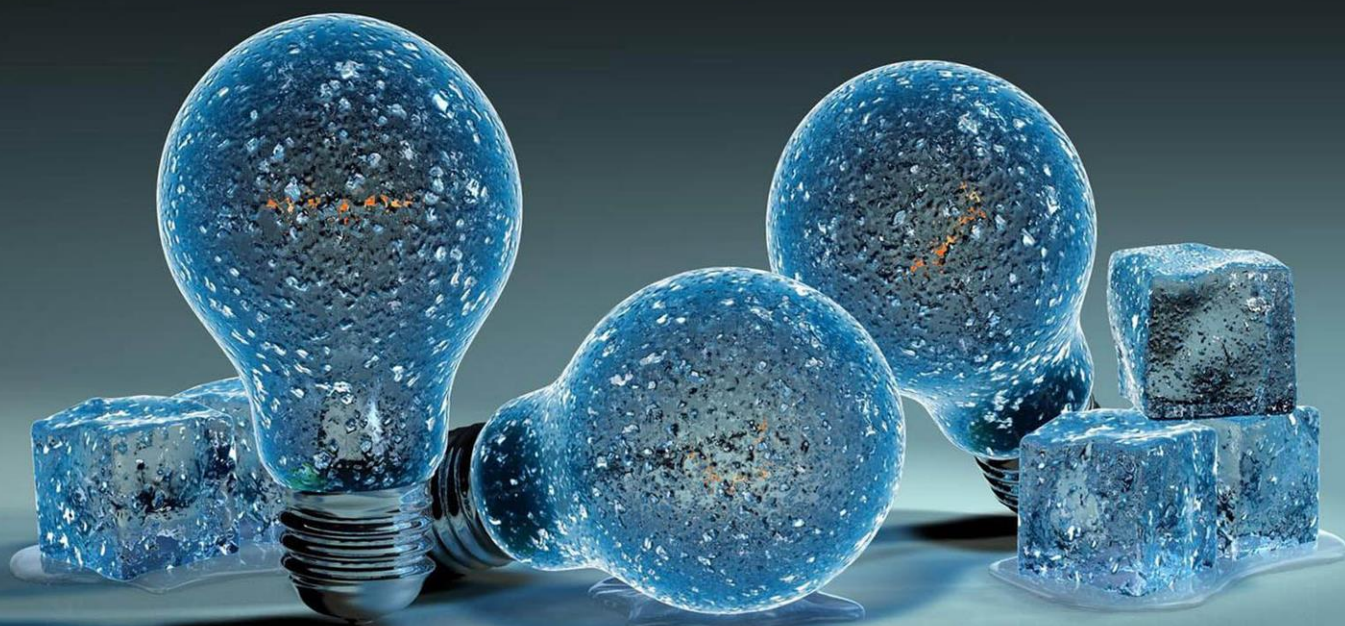
Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị: Không có



BAN KIỂM SOÁT

Danh sách thành viên Ban kiểm soát

STT	Thành viên BKS	Chức vụ	Ngày bắt đầu là TV BKS	Số buổi họp BKS tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự
1	Ông Trần Thanh Hà	Trưởng ban	20/05/2016	2/2	100%	-
2	Ông Hồ Thăng Thu	Thành viên	17/04/2013	2/2	100%	-
3	Bà Hoàng Thị Thu Trang	Thành viên	20/05/2016	2/2	100%	-





Hoạt động giám sát của BKS đối với HĐQT, Ban Tổng Giám đốc điều hành và cổ đông

Ban Kiểm soát thực hiện đầy đủ vai trò giám sát theo đúng quy định tại Điều lệ công ty gồm

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát tình hình hoạt động và tình hình tài chính của công ty để kịp thời có những kiến nghị phù hợp.
- Kiểm tra giám sát việc quản lý điều hành Công ty thông qua việc giám sát hoạt động của HĐQT và Ban Giám đốc. Đánh giá công tác quản lý của HĐQT và Ban Giám đốc để trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.
- Xem xét tính phù hợp của các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT, Ban Giám đốc trong công tác quản lý công ty phù hợp với quy trình triển khai thực hiện kế hoạch.
- Kiểm tra báo cáo tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh hàng tháng; Báo cáo tài chính Quý, Bán niên và Báo cáo tài chính kiểm toán năm trước khi đệ trình Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Sự phối hợp hoạt động giữa BKS đối với hoạt động của HĐQT, Ban điều hành và các cán bộ quản lý khác

- Tăng cường sự phối hợp, trao đổi và thảo luận giữa Ban Kiểm soát và HĐQT, Ban Giám đốc và các cán bộ quản lý khác thông qua các cuộc họp mở rộng của HĐQT.
- Toàn bộ các tài liệu, Biên bản họp HĐQT đều được gửi cho BKS nghiên cứu để đưa ra các ý kiến đóng góp kịp thời.

Hoạt động khác của BKS: Không có

GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH

Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích trong năm 2017 của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Điều hành

STT	Họ và tên	Chức vụ	Lương	Thưởng	Thù lao – Lợi ích khác
	HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ		-	205.000.000	488.400.000
1	Ông Lê Kim Hùng	Chủ tịch	-	41.000.000	126.000.000
	Ông Nguyễn Sơn	Thành viên	-	41.000.000	96.000.000
	Ông Nguyễn Minh Tiến	Thành viên	-	41.000.000	88.800.000
	Ông Nguyễn Văn Đức	Thành viên	-	41.000.000	88.800.000
	Ông Nguyễn Đức Trọng	Thành viên	-	41.000.000	88.800.000
	BAN KIỂM SOÁT		256.723.795	83.000.000	134.400.000
2	Ông Trần Thanh Hà	Trưởng ban	256.723.795	31.000.000	4.800.000
	Ông Hồ Thăng Thu	Thành viên	-	31.000.000	64.800.000
	Bà: Hoàng Thị Thu Trang	Thành viên	-	21.000.000	64.800.000
	BAN ĐIỀU HÀNH		1.394.497.630	32.000.000	
3	Ông Nguyễn Sơn	Giám đốc	512.821.740	12.000.000	-
	Ông Võ Đình Thanh Tuấn	Phó Giám đốc	429.605.694	10.000.000	-
	Ông Phạm Đức Hùng	Kế toán trưởng	452.070.196	10.000.000	-



Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Nguyễn Thị Tú Oanh	Vợ ông Nguyễn Văn Đức	11.000	0,12%	1.000	0,01%	Bán
2	Nguyễn Minh Tiến	TV HĐQT	21.260	0,22%	31.050	0,33%	Mua tăng tỷ lệ sở hữu
3	Trần Thanh Hà	TB Kiểm soát	4.650	0,04	3.650	0,03%	Bán



Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Không có

Việc thực hiện các quy định về quản trị Công ty

Trong năm 2017, với việc ban hành nghị định 71/2017/NĐ-CP hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng với công ty đại chúng của Chính phủ có hiệu lực từ ngày 01 tháng 8 năm 2017, Công ty đã có những thay đổi trong điều lệ cũng như các chính sách, tổ chức nguồn nhân lực nhằm đảm bảo việc quản trị Công ty luôn được theo đúng Pháp luật Ngoài ra, Công ty luôn tăng cường kiến thức quản trị cho các thành viên Hội đồng quản trị và Ban giám đốc thông qua việc cử các cán bộ đi đào tạo theo thông báo của UBCKNN, các cơ quan liên quan và các lớp học quản trị công ty. Từ đó, nâng cao hiệu quả kinh doanh, nâng cao khả năng tiếp cận nguồn vốn, giảm chi phí vốn cũng như tạo dựng lòng tin đối với cổ đông, nhà đầu tư.

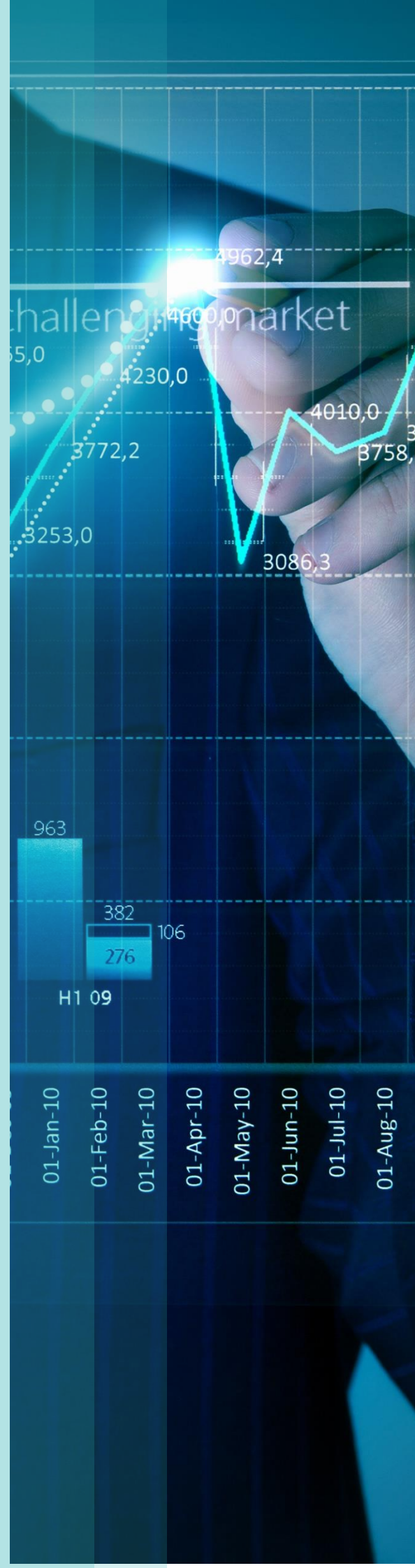
A circular inset image showing a calculator with a pen and financial charts. The calculator's display shows the number 698542997. The background of the inset features a line graph and a table of data.

**BÁO CÁO
TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN
NĂM 2017**

A circular logo with a geometric pattern and the letters VI.

VI

Ý kiến của Cơ quan kiểm toán
Báo cáo tài chính kiểm toán 2017



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31/12/2017

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Tại ngày 31/12/2017	Tại ngày 01/01/2017
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		105.164.224.250	83.276.314.149
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4.1	90.354.855.393	70.064.292.321
1. Tiền	111		330.529.759	31.975.889
2. Các khoản tương đương tiền	112		90.024.325.634	70.032.316.432
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		14.005.152.918	12.417.761.582
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.2	9.827.665.108	12.024.338.535
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	4.3	2.948.396.121	54.464.072
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	4.4	1.696.950.090	806.817.376
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	4.5	(467.858.401)	(467.858.401)
IV. Hàng tồn kho	140	4.6	804.215.939	794.260.246
1. Hàng tồn kho	141		804.215.939	794.260.246
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		-	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		48.107.390.390	52.336.273.478
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		46.920.039.038	50.375.958.485
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.7	46.867.272.909	50.296.192.356
Nguyên giá	222		151.919.138.648	151.082.430.939
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(105.051.865.739)	(100.786.238.583)
2. Tài sản cố định vô hình	227	4.8	52.766.129	79.766.129
Nguyên giá	228		121.000.000	121.000.000
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(68.233.871)	(41.233.871)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		1.187.351.352	1.960.314.993
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	4.9	1.118.127.452	1.655.591.093
2. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		69.223.900	304.723.900
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		153.271.614.640	135.612.587.627

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

Tại ngày 31/12/2017

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Tại ngày 31/12/2017	Tại ngày 01/01/2017
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		12.467.059.580	5.882.236.925
I. Nợ ngắn hạn	310		12.467.059.580	5.882.236.925
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	4.10	2.036.306.824	217.678.131
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.11	4.117.691.123	1.344.807.419
3. Phải trả người lao động	314		2.174.228.037	2.046.244.779
4. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	4.12	982.724.660	944.680.020
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	4.13	42.617.600	51.628.755
6. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		3.113.491.336	1.277.197.821
II. Nợ dài hạn	330		-	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		140.804.555.060	129.730.350.702
I. Vốn chủ sở hữu	410	4.14	140.804.555.060	129.730.350.702
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		95.000.000.000	95.000.000.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		95.000.000.000	95.000.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Vốn khác của chủ sở hữu	414		1.462.308.448	1.462.308.448
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		3.689.983.751	3.689.983.751
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		40.652.262.861	29.578.058.503
LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước	421a		128.058.503	3.138.119
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		40.524.204.358	29.574.920.384
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		153.271.614.640	135.612.587.627



Nguyễn Sơn
Giám đốc
Đắk Nông, ngày 24 tháng 03 năm 2018

Phạm Đức Hùng
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Bích Ngọc
Người lập



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2017	Năm 2016
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.1	100.518.577.803	63.973.017.608
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		100.518.577.803	63.973.017.608
4. Giá vốn hàng bán	11	5.2	29.394.963.870	25.235.850.978
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		71.123.613.933	38.737.166.630
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.3	3.264.741.853	2.381.193.758
7. Chi phí tài chính	22		-	-
<i>Trong đó, chi phí lãi vay</i>	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.4	6.647.093.785	4.570.091.716
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		67.741.262.001	36.548.268.672
11. Thu nhập khác	31		-	-
12. Chi phí khác	32		-	-
13. Lợi nhuận khác	40		-	-
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		67.741.262.001	36.548.268.672
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.6	3.934.799.128	2.204.080.772
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		63.806.462.873	34.344.187.900
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.7	6.266	3.402
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	5.8	6.266	3.402



Nguyễn Sơn
Giám đốc

Đắk Nông, ngày 24 tháng 03 năm 2018

Phạm Đức Hùng
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Bích Ngọc
Người lập

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2017	Năm 2016
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Tiền thu từ bán hàng, CC DV và doanh thu khác	01	102.715.251.230	66.468.356.429
2. Tiền chi trả cho người cung cấp HH và DV	02	(14.518.916.230)	(10.002.138.041)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(10.386.423.811)	(5.612.853.216)
4. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	(1.605.405.772)	(3.266.740.865)
5. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	10.476.733.668	6.987.410.516
6. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(20.094.576.476)	(13.515.187.242)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	66.586.662.609	41.058.847.581
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm XD TSCĐ và các TS DH khác	21	(836.707.709)	(81.000.000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS DH khác	22	-	907.272.727
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	2.999.619.327	2.354.827.696
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	2.162.911.618	3.181.100.423
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ PH cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31	-	-
2. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(48.459.011.155)	(30.400.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(48.459.011.155)	(30.400.000.000)
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM	50	20.290.563.072	13.839.948.004
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	70.064.292.321	56.224.344.317
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái qui đổi ngoại tệ	61	-	-
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM	70	90.354.855.393	70.064.292.321



Nguyễn Sơn
Giám đốc

Đắk Nông, ngày 24 tháng 03 năm 2018

Phạm Đức Hùng
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Bích Ngọc
Người lập

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Thủy điện – Điện lực 3 (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3203000163 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp ngày 20 tháng 11 năm 2003. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 4 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 17 tháng 12 năm 2014 với mã số doanh nghiệp là 0400456277. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

Công ty được chấp nhận niêm yết cổ phiếu phổ thông tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 35/2012/QĐ-SGDHCM ngày 30/03/2012 của Tổng Giám đốc Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán DRL. Ngày chính thức giao dịch của cổ phiếu là ngày 11/04/2012.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 95.000.000.000 đồng, được chi tiết như sau:

Nhà đầu tư	Quốc gia/ Quốc tịch	Tại ngày 31/12/2017		Tại ngày 01/01/2017	
		Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)	Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)
Tổng Công ty Điện lực Miền Trung	Việt Nam	28.900.000.000	30,42	28.900.000.000	30,42
Các cổ đông khác		66.100.000.000	69,58	66.100.000.000	69,58
Cộng		95.000.000.000	100	95.000.000.000	100

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại Thôn Nhà Đền, Xã Ea Pô, Huyện Cư Jút, Tỉnh Đắk Nông, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 33 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là: 33 người).

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Đầu tư xây dựng các dự án nguồn điện, sản xuất kinh doanh điện năng.

1.3. Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Xây lắp hệ thống điện:
 - Xây dựng các công trình đường dây, trạm biến thế điện;
 - Đầu tư xây dựng các dự án điện;
 - Sản xuất và kinh doanh điện năng;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Đầu tư xây dựng các dự án thủy điện. Tư vấn các công trình điện. (Công ty chỉ được phép kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật đối với ngành, nghề kinh doanh có điều kiện đã cấp ở trên).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

2.1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam, theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

2.2. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

2.3. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU ĐƯỢC ÁP DỤNG

3.1. Các ước tính kế toán

12 năm 2017 cũng như các khoản doanh thu, chi phí cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

Các khoản tương đương tiền được xác định phù hợp với Chuẩn mực kế toán "Báo cáo lưu chuyển tiền tệ".

3.3. Nợ phải thu

Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu bao gồm các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác được trình bày theo giá trị ghi sổ của các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ có bằng chứng chắc chắn là không thu được. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính và đánh giá của Ban Giám đốc dựa trên khả năng thu hồi các khoản nợ phải thu này tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng phải thu khó đòi được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.4. Hàng tồn kho

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác để mang hàng tồn kho đến đúng điều kiện và địa điểm hiện tại của chúng. Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm tất cả các chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung dựa trên tình hình hoạt động bình thường.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Cuối năm tài chính, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc thì phải lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho hàng tồn kho bị hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời, chậm luân chuyển và trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc kỳ kế toán phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3.5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Trường hợp mua tài sản cố định được kèm thêm thiết bị, phụ tùng thay thế thì xác định và ghi nhận riêng thiết bị, phụ tùng thay thế theo giá trị hợp lý và được trừ (-) khỏi nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng, trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

	<u>Năm 2017</u>
▪ Nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 50 năm
▪ Máy móc, thiết bị	6 – 12 năm
▪ Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 năm
▪ Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 – 5 năm
▪ Tài sản cố định khác	8 năm

3.6. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính.

Nguyên tắc kế toán các tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy vi tính

Phần mềm máy vi tính không phải là cấu phần không thể thiếu của phần cứng thì được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được khấu hao theo thời gian sử dụng hữu ích.

3.7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được phân loại là chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn theo kỳ hạn gốc và chủ yếu là chi phí liên quan đến công cụ, dụng cụ, chi phí sửa chữa và các chi phí khác. Các khoản này được phân bổ trong thời gian trả trước của chi phí hoặc trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh:

- Công cụ dụng cụ đã xuất dùng được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 1 đến 3 năm vào kết quả hoạt động kinh doanh.
- Chi phí sửa chữa và chi phí trả trước khác: Căn cứ vào tính chất, mức độ chi phí, Công ty lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ phù hợp trong thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3.8. Nợ phải trả

Nợ phải trả được phân loại là phải trả người bán và phải trả khác theo nguyên tắc: Phải trả người bán là khoản phải trả có tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua; Các khoản phải trả còn lại được phân loại là phải trả khác.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng.

Nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

3.9. Chi phí phải trả

Các khoản chi phí phải trả được ghi nhận cho giá trị phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Chi phí phải trả của Công ty là chi phí phải trả phí dịch vụ môi trường rừng được xác định bằng cách lấy sản lượng điện bán ra nhân với đơn giá phí dịch vụ môi trường rừng (36 đồng/kwh).

3.10. Nguồn vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được phân phối cho các cổ đông sau khi được Đại Hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

3.11. Doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.

Lãi tiền gửi

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Thu nhập khác

Thu nhập khác là các khoản thu nhập ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty, được ghi nhận khi có thể xác định được một cách tương đối chắc chắn và có khả năng thu được các lợi ích kinh tế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3.12. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm bán ra trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

3.13. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng).

3.14. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

3.15. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ và tổng số cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

3.16. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp: Công ty được hưởng ưu đãi đối với dự án thủy điện như sau:

+ Được hưởng thuế suất ưu đãi là 10% trong 15 năm kể từ khi dự án đầu tư bắt đầu hoạt động kinh doanh. Nhà máy điện Dray H'Linh 2 đi vào hoạt động từ tháng 2 năm 2007, do vậy Công ty được hưởng thuế suất ưu đãi từ năm 2007 đến năm 2021.

+ Được miễn thuế 4 năm và giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo kể từ khi Công ty có phát sinh thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp. Năm 2007 là năm đầu tiên Công ty có thu nhập chịu thuế, theo đó Công ty được miễn thuế trong 4 năm (2007 – 2010) và được giảm 50% trong 9 năm tiếp theo (2011 – 2019).

Những ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp trên đây được quy định tại Nghị định số 124/2008/NĐ-CP ngày 11 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ.

Thuế giá trị gia tăng:

Áp dụng mức thuế suất 10% đối với hoạt động bán điện thương phẩm.

Thuế nhập khẩu và tiền thuê đất

+ Được miễn thuế nhập khẩu đối với máy móc thiết bị nhập khẩu để tạo tài sản cố định mà trong nước chưa sản xuất được (có danh mục máy móc, thiết bị kèm theo).

+ Theo Hợp đồng thuê đất số 21/HĐTĐ ngày 23 tháng 07 năm 2009 thì Công ty đã ký hợp đồng thuê 220.352 m² đất với thời hạn 50 năm (từ ngày 01/07/2004 đến ngày 01/07/2054) tại Xã Ea Pô, Huyện Cư Jút, Tỉnh Đắk Nông để xây dựng nhà máy thủy điện Dray H'Linh 2. Công ty được miễn tiền thuê đất trong 13 năm từ năm 2004 đến năm 2016.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Những ưu đãi về thuế nhập khẩu, tiền thuê đất được quy định trong Giấy chứng nhận đầu tư số 63121000107 ngày 27/06/2012 của Ủy ban Nhân dân Tỉnh Đắk Nông.

Các loại thuế khác

Áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

3.17. Các bên liên quan

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty. Công ty liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm các giám đốc, các cán bộ điều hành của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan.

3.18. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc và các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi thanh toán, tiền gửi kỳ hạn 1 – 3 tháng, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc và các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác và chi phí phải trả.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

4.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Tại ngày 31/12/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
Tiền mặt	27.276.852	4.554.368
Tiền gửi ngân hàng	303.252.907	27.421.521
Các khoản tương đương tiền	90.024.325.634	70.032.316.432
Cộng	90.354.855.393	70.064.292.321

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Tại ngày 31/12/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
Phải thu khách hàng là bên liên quan - xem thêm mục 7	9.827.665.108	12.024.338.535
Cộng	9.827.665.108	12.024.338.535

4.3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
Trả trước cho người bán:	247.732.652	54.464.072
Công ty TNHH XD & TM Điện năng	-	40.379.040
Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất	14.085.032	14.085.032
Công ty TNHH MTV Phát triển công nghệ môi trường Bách Khoa	195.126.720	-
Các đối tượng khác	38.520.900	-
Trả trước cho người bán là bên liên quan - xem thêm mục 7	2.700.663.469	-
Cộng	2.948.396.121	54.464.072

4.4. Phải thu ngắn hạn khác

	Tại ngày 31/12/2017 VND		Tại ngày 01/01/2017 VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Lãi dự thu	548.153.811	-	283.031.285	-
Phải thu người lao động	190.626.347	-	47.927.690	-
Tạm ứng	8.000.000	-	8.000.000	-
Công ty CP ĐT & XD Miền Trung	467.858.401	467.858.401	467.858.401	467.858.401
Phải thu khác	482.311.531	-	-	-
Cộng	1.696.950.090	467.858.401	806.817.376	467.858.401

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.5. Nợ xấu

	Tại ngày 31/12/2017 VND		Tại ngày 01/01/2017 VND	
	Giá trị	Giá trị có thể thu hồi	Giá trị	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán, khó có khả năng thu hồi	467.858.401	-	467.858.401	-
Cộng	467.858.401	-	467.858.401	-

Ban Giám đốc đánh giá khả năng thu hồi nợ phải thu quá hạn là thấp vì các khoản nợ đã quá hạn 3 năm nhưng vẫn chưa thể thu hồi được.

Thời gian quá hạn và giá trị các khoản nợ phải thu quá hạn theo từng đối tượng được chi tiết như sau:

	Tại ngày 31/12/2017 VND			Tại ngày 01/01/2017 VND		
	Giá trị	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá trị	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn
Công ty CP ĐT & XD Miền Trung	467.858.401	-	Trên 3 năm	467.858.401	-	Trên 3 năm
Cộng	467.858.401	-		467.858.401	-	

4.6. Hàng tồn kho

	Tại ngày 31/12/2017 VND		Tại ngày 01/01/2017 VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	804.215.939	-	794.260.246	-
Cộng	804.215.939	-	794.260.246	-

Giá trị hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất không có khả năng tiêu thụ tại thời điểm cuối năm là 0 đồng.

Giá trị hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố bảo đảm các khoản phải trả tại thời điểm cuối năm là 0 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.7. Tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	P/ tiện vận tải, truyền dẫn VND	T/bị, dụng cụ quản lý VND	Tài sản cố định khác VND	Cộng VND
Nguyên giá						
Tại ngày 01/01/2017	60.894.796.964	86.753.966.049	1.526.598.546	439.822.909	1.467.246.471	151.082.430.939
Mua sắm trong năm	-	-	-	836.707.709	-	836.707.709
Giảm trong năm	-	-	-	-	-	-
Tại ngày 31/12/2017	60.894.796.964	86.753.966.049	1.526.598.546	1.276.530.618	1.467.246.471	151.919.138.648
Giá trị hao mòn lũy kế:						
Tại ngày 01/01/2017	16.839.327.409	81.893.604.107	724.083.958	209.829.438	1.119.393.671	100.786.238.583
Khấu hao trong năm	1.770.394.242	1.934.713.176	181.131.816	195.982.106	183.405.816	4.265.627.156
Giảm trong năm	-	-	-	-	-	-
Tại ngày 31/12/2017	18.609.721.651	83.828.317.283	905.215.774	405.811.544	1.302.799.487	105.051.865.739
Giá trị còn lại						
Tại ngày 01/01/2017	44.055.469.555	4.860.361.942	802.514.588	229.993.471	347.852.800	50.296.192.356
Tại ngày 31/12/2017	42.285.075.313	2.925.648.766	621.382.772	870.719.074	164.446.984	46.867.272.909

Không có TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố, đảm bảo cho các khoản vay tại ngày 31/12/2017.

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2017 là 65.086.752.679 đồng.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.8. Tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Phân mềm máy tính VND	Cộng VND
Nguyên giá:		
Tại ngày 01/01/2017	121.000.000	121.000.000
Mua trong năm	-	-
Giảm trong năm	-	-
Tại ngày 31/12/2017	121.000.000	121.000.000
Giá trị hao mòn lũy kế:		
Tại ngày 01/01/2017	41.233.871	41.233.871
Khấu hao trong năm	27.000.000	27.000.000
Giảm trong năm	-	-
Tại ngày 31/12/2017	68.233.871	68.233.871
Giá trị còn lại:		
Tại ngày 01/01/2017	79.766.129	79.766.129
Tại ngày 31/12/2017	52.766.129	52.766.129

Nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2017 là 40.000.000 đồng.

4.9. Chi phí trả trước dài hạn

	Tại ngày 31/12/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
Chi phí sửa chữa trục roto	161.998.000	647.992.000
Chi phí đại tu tổ máy H1	251.899.773	1.007.599.093
Chi phí sửa chữa nhà vận hành	644.438.964	-
Chi phí trả trước khác	59.790.715	-
Cộng	1.118.127.452	1.655.591.093

4.10. Phải trả người bán ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2017 VND		Tại ngày 01/01/2017 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty TNHH Cơ khí Tây Nguyên	518.585.253	518.585.253	16.200.000	16.200.000
Công ty TNHH Khánh Tài	668.183.659	668.183.659	-	-
Công ty TNHH NP ARCHITECT	76.425.085	76.425.085	-	-
Công ty TNHH MTV Thí nghiệm điện Miền Trung	463.747.000	463.747.000	-	-
Bảo Việt Đà Nẵng	89.150.273	89.150.273	89.150.273	89.150.273
Các đối tượng khác	220.215.554	220.215.554	112.327.858	112.327.858
Cộng	2.036.306.824	2.036.306.824	217.678.131	217.678.131

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.11. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Tại ngày	Trong năm		Tại ngày
	VND	VND		VND
	Phải nộp	Phải nộp	Đã nộp/Khấu trừ	Phải nộp
Thuế giá trị gia tăng	611.497.040	10.051.857.781	9.946.366.386	506.005.645
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.733.474.128	3.934.799.128	1.605.405.772	404.080.772
Thuế thu nhập cá nhân	172.497.442	1.943.323.408	1.823.713.656	52.887.690
Thuế tài nguyên	600.222.513	7.849.857.927	7.631.468.726	381.833.312
Thuế môn bài	-	3.000.000	3.000.000	-
Cộng	4.117.691.123	23.782.838.244	21.009.954.540	1.344.807.419

4.12. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Tại ngày	Tại ngày
	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Phí dịch vụ môi trường rừng	982.724.660	944.680.020
Cộng	982.724.660	944.680.020

4.13. Phải trả ngắn hạn khác

	Tại ngày	Tại ngày
	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Phải trả khác	42.617.600	51.628.755
- Quỹ tương trợ Công ty	10.894.655	10.894.655
- Vốn góp thừa	12.600.000	12.600.000
- Cổ tức cổ đông lẽ	19.122.945	28.134.100
Cộng	42.617.600	51.628.755



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.14. Vốn chủ sở hữu

4.14.1. Bảng biến động vốn chủ sở hữu

	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu				Cộng VND
	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	LNST chưa phân phối VND	
Tại ngày 01/01/2016	95.000.000.000	1.462.308.448	3.689.983.751	8.657.638.119	108.809.930.318
Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-	-
Lãi trong năm trước	-	-	-	34.344.187.900	34.344.187.900
Chia cổ tức	-	-	-	(11.400.000.000)	(11.400.000.000)
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(2.023.767.516)	(2.023.767.516)
Giảm khác	-	-	-	-	-
Tại ngày 01/01/2017	95.000.000.000	1.462.308.448	3.689.983.751	29.578.058.503	129.730.350.702
Tăng vốn trong năm nay (*)	-	-	-	-	-
Lãi trong năm nay	-	-	-	63.806.462.873	63.806.462.873
Chia cổ tức	-	-	-	(48.450.000.000)	(48.450.000.000)
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(4.282.258.515)	(4.282.258.515)
Giảm khác	-	-	-	-	-
Tại ngày 31/12/2017	95.000.000.000	1.462.308.448	3.689.983.751	40.652.262.861	140.804.555.060

(*) Công ty trích quỹ khen thưởng phúc lợi theo Nghị quyết Đại Hội đồng cổ đông số 08-NQ/PC3HP.Co-ĐHCĐ ngày 15/03/2017.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.14.2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Tại ngày 31/12/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
Tổng Công ty Điện lực Miền Trung	28.900.000.000	28.900.000.000
Các cổ đông khác	66.100.000.000	66.100.000.000
Cộng	95.000.000.000	95.000.000.000

4.14.3. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Vốn góp đầu năm	95.000.000.000	95.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Cộng	95.000.000.000	95.000.000.000

4.14.4. Cổ phiếu

	Tại ngày 31/12/2017 Cổ phiếu	Tại ngày 01/01/2017 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	9.500.000	9.500.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	9.500.000	9.500.000
- Cổ phiếu phổ thông	9.500.000	9.500.000
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	9.500.000	9.500.000
- Cổ phiếu phổ thông	9.500.000	9.500.000
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-

Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phần

4.14.5. Cổ tức

Nghị quyết Hội đồng quản trị số 34-NQ/PC3HP.Co-HĐQT ngày 09 tháng 12 năm 2016 đã thông qua phương án tạm ứng cổ tức năm 2016 bằng tiền cho các cổ đông với tỷ lệ 20%/vốn điều lệ tương ứng 19.000.000.000 đồng. Ngày đăng ký cuối cùng là ngày 03/01/2017 và thực hiện chi trả từ ngày 19/01/2017.

Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 08-NQ/PC3HP.Co-ĐHCĐ ngày 15/03/2017 đã thông qua phương án chi trả phần cổ tức còn lại của năm 2016 bằng tiền cho các cổ đông với tỷ lệ 11%/vốn điều lệ, tương ứng 10.450.000.000 đồng. Ngày đăng ký cuối cùng là ngày 05/04/2017 và thực hiện chi trả từ ngày 24/04/2017.

Nghị quyết Hội đồng quản trị số 16-NQ/PC3HP.Co-HĐQT ngày 07/08/2017 đã thông qua phương án tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2017 với tỷ lệ 20%/vốn điều lệ tương ứng 19.000.000.000 đồng. Ngày đăng ký cuối cùng là ngày 23/08/2017 và thực hiện chi trả từ ngày 11/09/2017.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH**5.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Doanh thu bán điện thương phẩm cho bên liên quan - Xem thêm mục 7	100.518.577.803	63.973.017.608
Cộng	<u>100.518.577.803</u>	<u>63.973.017.608</u>

5.2. Giá vốn hàng bán

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Giá vốn bán điện thương phẩm	29.394.963.870	25.235.850.978
Cộng	<u>29.394.963.870</u>	<u>25.235.850.978</u>

5.3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	3.264.741.853	2.381.193.758
Cộng	<u>3.264.741.853</u>	<u>2.381.193.758</u>

5.4. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Chi phí nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ	440.342.201	247.248.709
Chi phí nhân viên quản lý	2.555.998.399	1.761.273.990
Thù lao HĐQT, BKS, thư ký	636.000.000	368.000.000
Chi phí tiếp khách, hội nghị, khánh tiết	301.296.391	191.440.911
Các khoản khác	2.713.456.794	2.002.128.106
Cộng	<u>6.647.093.785</u>	<u>4.570.091.716</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

5.5. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.621.588.095	450.233.280
Chi phí nhân công	10.893.271.265	6.790.650.815
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.292.627.156	9.971.375.009
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.275.230.755	5.720.906.505
Chi phí khác bằng tiền	13.960.665.384	6.872.777.103
Cộng	36.043.382.655	29.805.942.712

5.6. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	67.739.937.001	36.548.268.672
- Thu nhập từ hoạt động ưu đãi	64.475.195.148	34.157.074.915
- Thu nhập từ hoạt động không được ưu đãi	3.264.741.853	2.391.193.757
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng (chi phí không hợp lý, hợp lệ)	1.135.320.000	359.765.496
- Chi phí không hợp lệ	746.820.000	131.765.496
- Thủ lao HĐQT, BKS không trực tiếp điều hành	388.500.000	228.000.000
Trừ: Các khoản điều chỉnh giảm:	-	-
Tổng thu nhập chịu thuế	68.875.257.001	36.908.034.168
- Thu nhập chịu thuế từ hoạt động ưu đãi	65.610.515.148	34.516.840.411
- Thu nhập chịu thuế từ hoạt động không được ưu đãi	3.264.741.853	2.391.193.757
Thuế suất thuế TNDN		
- Hoạt động ưu đãi	5%	5%
- Hoạt động không được ưu đãi	20%	20%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	3.933.474.128	2.204.080.772
- Chi phí thuế TNDN hiện hành từ hoạt động ưu đãi	3.280.525.757	1.725.842.021
- Chi phí thuế TNDN hiện hành từ hoạt động không ưu đãi	652.948.371	478.238.751
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	3.934.799.128	2.204.080.772

Trong đó:

- Chi phí thuế TNDN hiện hành phát sinh kỳ này	3.933.474.128
- Truy thu thuế TNDN các năm trước điều chỉnh trong năm nay	1.325.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

5.7. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	63.806.462.873	34.344.187.900
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	4.282.258.515	2.023.767.516
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	59.524.204.358	32.320.420.384
Số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong năm	9.500.000	9.500.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	6.266	3.402

5.8. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	63.806.462.873	34.344.187.900
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	4.282.258.515	2.023.767.516
Các khoản điều chỉnh tăng lợi nhuận sau thuế TNDN	-	-
Lợi nhuận để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	59.524.204.358	32.320.420.384
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	9.500.000	9.500.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến phát hành thêm	-	-
Số lượng cổ phiếu để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	9.500.000	9.500.000
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	6.266	3.402

6. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 và Thông tư hướng dẫn Chuẩn mực này thì Công ty cần lập báo cáo bộ phận. Theo đó, bộ phận là một phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích kinh tế khác với các bộ phận khác.

Căn cứ thực tế hoạt động của Công ty, Ban Giám đốc Công ty đánh giá rằng các lĩnh vực kinh doanh cũng như các môi trường kinh tế cụ thể theo khu vực địa lý không có sự khác biệt trong việc gánh chịu rủi ro và lợi ích kinh tế. Vì vậy, Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh duy nhất là sản xuất điện năng và một bộ phận địa lý chính là Tỉnh Đắk Nông, Việt Nam.

7. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN CÓ LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan

Tổng Công ty Điện lực Miền Trung
 HĐQT, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc

Mối quan hệ

Công ty đầu tư
 Nhân sự quản lý chủ chốt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư với các bên liên quan như sau:

	Tại ngày 31/12/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
Phải thu		
Tổng Công ty Điện lực Miền Trung	9.827.665.108	12.024.338.535
Cộng - Xem thêm mục 4.2	9.827.665.108	12.024.338.535
	Tại ngày 31/12/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
Trả trước cho người bán		
Tổng Công ty Điện lực Miền Trung	2.700.663.469	-
Cộng - Xem thêm mục 4.3	2.700.663.469	-

Trong năm, Công ty đã có giao dịch trọng yếu với bên liên quan như sau:

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Doanh thu bán điện thương phẩm		
Tổng Công ty Điện lực Miền Trung	100.518.577.803	63.973.017.608
Cộng - Xem thêm mục 5.1	100.518.577.803	63.973.017.608

Thù lao của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, lương của Ban Giám đốc và các nhân viên quản lý chủ chốt khác được hưởng trong năm như sau:

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Thù lao Hội đồng quản trị	456.000.000	276.000.000
Thù lao Ban Giám đốc	1.394.497.630	706.974.925
Thù lao Ban Kiểm soát	120.000.000	92.000.000

8. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Trong quá trình hoạt động, Công ty có thể có các rủi ro tài chính như sau:

- Rủi ro tín dụng: Là khả năng mà khách nợ sẽ không hoàn trả toàn bộ hoặc một phần các khoản vay, hoặc sẽ không hoàn trả đúng hạn và do đó sẽ đưa đến một khoản lỗ cho Công ty.
- Rủi ro thanh khoản: Là rủi ro mà Công ty có thể không có hoặc không có khả năng có tiền khi cần và do đó sẽ gặp khó khăn trong việc đáp ứng các nghĩa vụ có liên quan đến các khoản công nợ tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

▪ **Rủi ro thị trường:** Là rủi ro mà giá trị của các công cụ tài chính sẽ biến động về mặt giá trị hợp lý hoặc dòng tiền trong tương lai do những biến động về giá cả trên thị trường. Về cơ bản, Công ty có thể có các rủi ro thị trường sau:

- + Rủi ro lãi suất;
- + Rủi ro tiền tệ;
- + Rủi ro về giá các khoản đầu tư chứng khoán vốn.

Để quản lý một cách có hiệu quả các rủi ro trên, Hội đồng quản trị của Công ty đã phê duyệt những chiến lược cụ thể để quản lý những rủi ro này phù hợp với mục tiêu hoạt động của Công ty. Những chiến lược này đưa ra những hướng dẫn đối với mục tiêu ngắn hạn và dài hạn và những hành động sẽ được thực hiện để quản lý những rủi ro tài chính của Công ty. Những hướng dẫn chủ yếu bao gồm:

- Tối thiểu hóa các rủi ro về giá, rủi ro tiền tệ và rủi ro lãi suất đối với tất cả các giao dịch;
- Tất cả các hoạt động quản lý rủi ro tài chính được thực hiện và giám sát ở mức độ tập trung;
- Tất cả các hoạt động quản lý rủi ro tài chính được thực hiện trên cơ sở nhất quán, thận trọng và theo những thông lệ thị trường tốt nhất;
- Công ty có thể đầu tư cổ phiếu và các công cụ tương tự chi trong trường hợp có tiền nhàn rỗi tạm thời và các giao dịch này phải được HĐQT phê duyệt.

Bảng dưới đây trình bày tóm tắt tài sản tài chính và công nợ tài chính theo từng loại:

	Tại ngày 31/12/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	90.354.855.393	70.064.292.321
Phải thu khách hàng	9.827.665.108	12.024.338.535
Phải thu khác	1.030.465.342	330.958.975
Cộng	101.212.985.843	82.419.589.831
	Tại ngày 31/12/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
Công nợ tài chính		
Phải trả người bán và phải trả khác	2.068.029.769	269.306.886
Chi phí phải trả	982.724.660	944.680.020
Cộng	3.050.754.429	1.213.986.906

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Rủi ro thanh khoản

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản trên cơ sở ngày đến hạn được mong đợi.

Bảng dưới đây phân tích nợ tài chính theo ngày đến hạn còn lại theo hợp đồng.

	Nợ phải trả VND	Cộng VND
Dưới 01 năm	3.050.754.429	3.050.754.429
Tại ngày 31/12/2017	3.050.754.429	3.050.754.429
	Nợ phải trả VND	Cộng VND
Dưới 01 năm	1.213.986.906	1.213.986.906
Tại ngày 01/01/2017	1.213.986.906	1.213.986.906

Công ty dự kiến sẽ thanh toán tất cả các khoản nợ khi đến hạn. Để đáp ứng các cam kết thanh toán này, Công ty dự kiến các hoạt động kinh doanh sẽ tạo ra đủ dòng tiền vào. Ngoài ra, Công ty đang nắm giữ các tài sản tài chính có thị trường thanh khoản và sẵn sàng đáp ứng nhu cầu thanh khoản.

9. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đến ngày phát hành báo cáo tài chính.



Nguyễn Sơn
Giám đốc
Đắk Nông, ngày 24 tháng 03 năm 2018

Phạm Đức Hùng
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Bích Ngọc
Người lập biểu



Đắk Nông, ngày 17 tháng 04 năm 2018

CHỮ KÝ NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT



Nguyễn Sơn
Giám đốc